

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 05 năm 2026

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 3 (B1 THEO CEFR)  
ĐỢT 05 NĂM 2026**

**(Địa chỉ: HungHau Campus (HEC), Khu chức năng, 13E Đại lộ Nguyễn Văn Linh, xã Bình Hưng, Thành phố Hồ Chí Minh)**

Môn kiểm tra: Tiếng Anh bậc 3 (Tương đương B1 theo CEFR)

Ngày kiểm tra: 30/05/2026

Phòng kiểm tra: B1.PT01

CBCKTr1: .....

Ký tên:.....

Giờ kiểm tra: Sáng 08:00 - 12:00 (Nói)

CBCKTr2: .....

Ký tên:.....

Chiều 13:30 - 15:30 (Nghe - Đọc - Viết)

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
1	VHU.TAB1.05.001	221A050631	Lê Khã	Ái	27/12/2004	Thành phố Cần Thơ		
2	VHU.TAB1.05.002	221A110053	Phạm Đình Trường	An	11/06/2004	Thành phố Hải Phòng		
3	VHU.TAB1.05.003	221A210081	Lê Thụy Hoàng	An	22/05/2004	Đồng Tháp		
4	VHU.TAB1.05.004	211A050383	Nguyễn Thị Minh	An	04/07/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
5	VHU.TAB1.05.005	211A031341	Lý Ngọc	Ân	08/10/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
6	VHU.TAB1.05.006	221A320067	Thiều Thái	Ân	08/06/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
7	VHU.TAB1.05.007	221A310248	Nguyễn Thanh	Ân	10/11/2004	Khánh Hòa		
8	VHU.TAB1.05.008	221A040363	Nguyễn Phương	Anh	02/06/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
9	VHU.TAB1.05.009	221A300148	Hồ Xuân Phương	Anh	06/03/2004	Vĩnh Long		
10	VHU.TAB1.05.010	231A030019	Lê Thị Huệ	Anh	27/01/2005	Đồng Tháp		
11	VHU.TAB1.05.011	211A010408	Lê Quý	Anh	01/06/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
12	VHU.TAB1.05.012	231A040073	Hoàng Thị Mai	Anh	06/06/2005	Đắk Lắk		
13	VHU.TAB1.05.013	221A370438	Nguyễn Thị Huỳnh	Anh	28/07/2004	Gia Lai		
14	VHU.TAB1.05.014	191A070124	Dương Quốc	Anh	02/11/2001	Thành phố Hồ Chí Minh		
15	VHU.TAB1.05.015	231A310492	Dương Thị Lan	Anh	19/10/1997	Ninh Bình		
16	VHU.TAB1.05.016	231A370607	Phan Thị Vân	Anh	01/06/2005	Đồng Tháp		
17	VHU.TAB1.05.017	221A030325	Nguyễn Thế	Anh	23/03/2004	Ninh Bình		
18	VHU.TAB1.05.018	221A010061	Nguyễn Duy	Anh	11/05/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
19	VHU.TAB1.05.019	211A080051	Võ Trần Trúc	Anh	09/11/2003	Đồng Tháp		
20	VHU.TAB1.05.020	221A300087	Hà Kim	Anh	28/03/2004	Lâm Đồng		
21	VHU.TAB1.05.021	221A270003	Trương Hoàng	Anh	03/04/2004	Tây Ninh		
22	VHU.TAB1.05.022	221A310170	Nguyễn Thị Vân	Anh	24/12/2004	Thanh Hóa		
23	VHU.TAB1.05.023	221A030297	Võ Nguyễn Lan	Anh	06/04/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
24	VHU.TAB1.05.024	221A300162	Trần Nhã	Anh	02/08/2004	Lâm Đồng		
25	VHU.TAB1.05.025	221A030022	Lê Đức	Anh	31/10/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
26	VHU.TAB1.05.026	221A040187	Cao Thị Vân	Anh	15/01/2004	Vĩnh Long		
27	VHU.TAB1.05.027	221A050645	Huỳnh Thị Phương	Anh	22/08/2004	Vĩnh Long		
28	VHU.TAB1.05.028	221A270073	Huỳnh Lê Đức	Anh	08/07/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
29	VHU.TAB1.05.029	221A050406	Nguyễn Huỳnh	Anh	04/01/2004	Đồng Tháp		
30	VHU.TAB1.05.030	221A370173	Nguyễn Thị Lan	Anh	27/12/2004	Thanh Hóa		
31	VHU.TAB1.05.031	221A160096	Lê Đức	Anh	16/02/2004	Tây Ninh		
32	VHU.TAB1.05.032	221A320195	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	03/09/2004	Đắk Lắk		
33	VHU.TAB1.05.033	221A040641	Lê Thị Ngọc	Ánh	02/04/2004	Lâm Đồng		
34	VHU.TAB1.05.034	221A370165	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	25/03/2004	Đồng Nai		
35	VHU.TAB1.05.035	221A230162	Phan Ngọc	Ánh	28/01/2005	Thành phố Cần Thơ		
36	VHU.TAB1.05.036	221A030814	Lê Thị Ngọc	Ánh	02/04/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
37	VHU.TAB1.05.037	221A100038	Huỳnh Thị Tuyết	Băng	12/01/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
38	VHU.TAB1.05.038	211A010008	Lê Hoàng	Bảo	19/03/2003	Tây Ninh		
39	VHU.TAB1.05.039	221A030069	Ngô Quốc	Bảo	15/10/2004	Vĩnh Long		
40	VHU.TAB1.05.040	221A030317	Hoàng Chi	Bảo	14/05/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
41	VHU.TAB1.05.041	221A010295	Phạm Hoàng	Bảo	28/12/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
42	VHU.TAB1.05.042	221A050508	Lương Thái	Bảo	04/11/2004	Đắk Lắk		
43	VHU.TAB1.05.043	221A210428	Lê Nguyễn Quốc	Bảo	08/10/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
44	VHU.TAB1.05.044	201A010166	Hữu Gia	Bảo	01/01/2002	Cà Mau		
45	VHU.TAB1.05.045	221A010903	Đặng Phước	Biển	17/01/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
46	VHU.TAB1.05.046	191A010044	Nguyễn Thái Duy	Bình	15/06/2000	Thành phố Hồ Chí Minh		
47	VHU.TAB1.05.047	221A210133	Đào Thị Thanh	Bình	01/12/2004	Đồng Nai		
48	VHU.TAB1.05.048	231A310054	Lê Thanh	Bình	23/08/2005	Đắk Lắk		
49	VHU.TAB1.05.049	251A230266	Đào Đức	Bình	27/07/2007	Đắk Lắk		
50	VHU.TAB1.05.050	221A070275	Lê Trần Kim	Bình	05/05/2004	Vĩnh Long		
51	VHU.TAB1.05.051	221A050601	Trần Thanh	Bình	15/08/2004	Tây Ninh		
52	VHU.TAB1.05.052	211A031296	Âu Bội	Bội	02/02/2003	Khánh Hòa		
53	VHU.TAB1.05.053	211A030195	Trần Đình	Cảnh	31/12/2003	Gia Lai		
54	VHU.TAB1.05.054	221A050372	Nguyễn Huỳnh Minh	Châu	08/03/2004	Tây Ninh		

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
55	VHU.TAB1.05.055	221A210039	Huỳnh Thị Mỹ	Châu	27/04/2004	Khánh Hòa		
56	VHU.TAB1.05.056	211A100025	Phạm Khiêm Minh	Châu	27/01/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
57	VHU.TAB1.05.057	221A240135	Nguyễn Thị	Chi	24/01/2004	Ninh Bình		
58	VHU.TAB1.05.058	231A370129	Nguyễn Thị Quỳnh	Chi	01/05/2005	Đắk Lắk		
59	VHU.TAB1.05.059	221A300083	Trần Đặng Lan	Chi	09/09/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
60	VHU.TAB1.05.060	221A230161	Lê Thị Thanh	Chi	22/05/2004	Khánh Hòa		
61	VHU.TAB1.05.061	221A040533	Nguyễn Trịnh Linh	Chi	19/04/2004	Đồng Nai		
62	VHU.TAB1.05.062	211A100103	Bùi Nguyễn Bảo	Chi	10/03/2003	Đồng Nai		
63	VHU.TAB1.05.063	221A230452	Ngô Hoài	Chi	02/07/2004	Đồng Nai		
64	VHU.TAB1.05.064	231A030894	Trần Thị Ngọc	Chi	07/05/2005	Đồng Nai		
65	VHU.TAB1.05.065	221A010191	Nguyễn Minh	Chi	28/07/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
66	VHU.TAB1.05.066	221A030084	Trần Minh	Chiến	01/01/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
67	VHU.TAB1.05.067	221A360191	Trần Thị Kiều	Chinh	22/06/2003	Tây Ninh		
68	VHU.TAB1.05.068	221A040053	Trần Quốc	Chính	08/05/2004	Khánh Hòa		
69	VHU.TAB1.05.069	211A240061	Nguyễn Chí	Công	18/12/2003	An Giang		
70	VHU.TAB1.05.070	221A040298	Võ Thị Thu	Cúc	06/05/2004	Tây Ninh		

Tổng số thí sinh theo danh sách:.....

Số thí sinh dự kiểm tra:.....

Số thí sinh vắng kiểm tra:.....

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KIỂM TRA  
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ**

(Đã ký)

**Nguyễn Thị Thanh Hà**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 05 năm 2026

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 3 (B1 THEO CEFR)  
ĐỢT 05 NĂM 2026**

**(Địa chỉ: HungHau Campus (HEC), Khu chức năng, 13E Đại lộ Nguyễn Văn Linh, xã Bình Hưng, Thành phố Hồ Chí Minh)**

Môn kiểm tra: Tiếng Anh bậc 3 (Tương đương B1 theo CEFR)

Ngày kiểm tra: 30/05/2026

Phòng kiểm tra: B1.PT02

CBCKTr1: .....

Ký tên:.....

Giờ kiểm tra: Sáng 08:00 - 12:00 (Nói)

CBCKTr2: .....

Ký tên:.....

Chiều 13:30 - 15:30 (Nghe - Đọc - Viết)

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
1	VHU.TAB1.05.071	221A370435	Lê Thị Hoa	Cúc	20/04/2004	Quảng Ngãi		
2	VHU.TAB1.05.072	221A320121	Nghiêm Chí	Cường	03/05/2004	Tây Ninh		
3	VHU.TAB1.05.073	221A370954	Trần Thị Linh	Đa	01/01/2004	Vĩnh Long		
4	VHU.TAB1.05.074	221A080235	Lê Mã Thanh	Dân	25/08/2004	Gia Lai		
5	VHU.TAB1.05.075	211A031339	Nguyễn Thị	Đào	10/08/2003	Gia Lai		
6	VHU.TAB1.05.076	221A050657	Hồ Phát	Đạt	17/12/2004	Tây Ninh		
7	VHU.TAB1.05.077	221A050028	Châu Quốc	Đạt	08/01/2004	An Giang		
8	VHU.TAB1.05.078	221A300377	Phạm Văn	Đạt	09/08/2004	Đồng Tháp		
9	VHU.TAB1.05.079	211A070148	Hà Cẩm	Đạt	14/10/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
10	VHU.TAB1.05.080	191A030149	Nguyễn Thành	Đạt	01/09/2001	Thành phố Hồ Chí Minh		
11	VHU.TAB1.05.081	221A210206	Trần Vũ Tiến	Đạt	15/07/2004	Tây Ninh		
12	VHU.TAB1.05.082	201A030036	Nguyễn Tiến	Đạt	29/01/2001	Đồng Nai		
13	VHU.TAB1.05.083	221A010039	Nguyễn Văn	Đạt	19/06/2004	Vĩnh Long		
14	VHU.TAB1.05.084	221A270066	Nguyễn Minh	Đạt	14/07/2004	Tây Ninh		
15	VHU.TAB1.05.085	201A310009	Lâm Quang	Đạt	01/07/2002	Đồng Nai		
16	VHU.TAB1.05.086	221A050433	Phạm Tấn	Đạt	30/04/2004	Tây Ninh		
17	VHU.TAB1.05.087	211A010255	Cao Tiến	Đạt	12/11/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
18	VHU.TAB1.05.088	171A030086	Trần Minh	Đạt	19/05/1998	Thành phố Hồ Chí Minh		
19	VHU.TAB1.05.089	221A030716	Trịnh Phương	Điểm	25/11/2004	Thanh Hóa		
20	VHU.TAB1.05.090	201A030359	Dương Thị Hoàng	Điểm	14/02/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
21	VHU.TAB1.05.091	221A230085	Huỳnh Kiều	Điểm	25/10/2004	Tây Ninh		
22	VHU.TAB1.05.092	221A070145	Lâm Thị Ngọc	Điểm	02/04/2004	Thành phố Cần Thơ		
23	VHU.TAB1.05.093	211A210114	Lê Phan Ngọc	Điểm	11/02/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
24	VHU.TAB1.05.094	221A031094	Đình Lương Bích	Diệp	01/08/2004	Gia Lai		
25	VHU.TAB1.05.095	221A100025	Lê Thị Thanh	Diệu	27/11/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
26	VHU.TAB1.05.096	221A050696	Phan Thị Xuân	Diệu	09/06/2004	Vĩnh Long		
27	VHU.TAB1.05.097	211A300110	Giang Tiểu	Dinh	08/11/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
28	VHU.TAB1.05.098	221A050118	Huỳnh Thị Tâm	Đoan	27/09/2004	Khánh Hòa		
29	VHU.TAB1.05.099	221A031353	Trần Diễm	Đoan	22/07/2004	An Giang		
30	VHU.TAB1.05.100	211A300112	Trần Khả	Doanh	11/08/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
31	VHU.TAB1.05.101	221A270012	Hồ Minh	Đôn	18/02/2003	Cà Mau		
32	VHU.TAB1.05.102	221A030028	Trần Á	Đông	10/11/2004	Cà Mau		
33	VHU.TAB1.05.103	221A070282	Nguyễn Thị Bích	Du	11/06/2004	An Giang		
34	VHU.TAB1.05.104	221A100047	Danh Thị Bích	Du	17/04/2004	An Giang		
35	VHU.TAB1.05.105	221A210607	Đặng Anh	Đức	24/08/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
36	VHU.TAB1.05.106	221A050217	Lê Thị Mỹ	Dui	19/01/2004	Khánh Hòa		
37	VHU.TAB1.05.107	221A050308	Thăng Kim	Dung	03/09/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
38	VHU.TAB1.05.108	221A050726	Huỳnh Thanh	Dung	12/07/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
39	VHU.TAB1.05.109	221A040124	Nguyễn Phạm Phương	Dung	20/02/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
40	VHU.TAB1.05.110	221A320028	Nguyễn Tấn	Dũng	04/04/2004	Lâm Đồng		
41	VHU.TAB1.05.111	221A290056	Sú Quang	Dũng	25/06/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
42	VHU.TAB1.05.112	211A240064	Phan Khánh	Dương	28/02/2003	Thành phố Cần Thơ		
43	VHU.TAB1.05.113	211A150255	Nghiêm Thị Thuý	Dương	14/10/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
44	VHU.TAB1.05.114	221A031049	Trần Thị Thuý	Dương	01/09/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
45	VHU.TAB1.05.115	221A230236	Nguyễn Trần Hải	Dương	25/03/2004	Lâm Đồng		
46	VHU.TAB1.05.116	221A370973	Phan Thị	Dương	09/10/2004	Đắk Lắk		
47	VHU.TAB1.05.117	211A070065	Nguyễn Minh	Duy	20/06/2003	Vĩnh Long		
48	VHU.TAB1.05.118	211A050101	Nguyễn Phi	Duy	25/06/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
49	VHU.TAB1.05.119	201A080292	Huỳnh Triệu	Duy	06/12/2002	Cà Mau		
50	VHU.TAB1.05.120	221A310298	Võ Tường	Duy	03/03/2004	Cà Mau		
51	VHU.TAB1.05.121	211A300052	Lê Hoàng	Duy	17/01/2003	Vĩnh Long		
52	VHU.TAB1.05.122	201A030800	Võ Khánh	Duy	18/04/2002	Cà Mau		
53	VHU.TAB1.05.123	221A040246	Hoàng Tư	Duyên	05/04/2004	Đồng Nai		
54	VHU.TAB1.05.124	221A310301	Cao Kỳ	Duyên	28/10/2004	Đồng Nai		

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
55	VHU.TAB1.05.125	221A230475	Lê Tú	Duyên	29/10/2004	Gia Lai		
56	VHU.TAB1.05.126	221A030222	Võ Thị Hương	Duyên	24/03/2004	Quảng Ngãi		
57	VHU.TAB1.05.127	201A080303	Lâm Thị Kiều	Duyên	25/09/2002	Thành phố Cần Thơ		
58	VHU.TAB1.05.128	221A210520	Hàng Thanh	Duyên	25/08/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
59	VHU.TAB1.05.129	221A230245	Trương Thụy Mỹ	Duyên	20/12/2004	Đồng Nai		
60	VHU.TAB1.05.130	211A040244	Hà Thục	Duyên	11/08/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
61	VHU.TAB1.05.131	221A370009	Nguyễn Đăng Kỳ	Duyên	21/06/2004	Đồng Nai		
62	VHU.TAB1.05.132	211A070175	Nguyễn Thị Hồng	Gám	06/05/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
63	VHU.TAB1.05.133	211A050050	Lê Hoàng	Gia	20/11/2003	Quảng Trị		
64	VHU.TAB1.05.134	221A030407	Nguyễn Thị Linh	Giang	12/02/2004	Quảng Trị		
65	VHU.TAB1.05.135	231A030760	Vũ Thị Trà	Giang	03/04/2005	Lâm Đồng		
66	VHU.TAB1.05.136	201A100016	Phan Thị Trà	Giang	31/07/2002	Đồng Nai		
67	VHU.TAB1.05.137	221A050363	Lê Thị	Giang	15/03/2004	Thanh Hóa		
68	VHU.TAB1.05.138	221A010328	Trần Huỳnh	Giang	13/04/2004	An Giang		
69	VHU.TAB1.05.139	221A230516	Thái Hà	Giang	06/06/2004	Quảng Trị		
70	VHU.TAB1.05.140	231A360357	Từ Trà	Giang	17/09/2005	Quảng Ngãi		

Tổng số thí sinh theo danh sách:.....

Số thí sinh dự kiểm tra:.....

Số thí sinh vắng kiểm tra:.....

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KIỂM TRA  
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ**

(Đã ký)

**Nguyễn Thị Thanh Hà**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 05 năm 2026

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 3 (B1 THEO CEFR)  
ĐỢT 05 NĂM 2026**

**(Địa chỉ: HungHau Campus (HEC), Khu chức năng, 13E Đại lộ Nguyễn Văn Linh, xã Bình Hưng, Thành phố Hồ Chí Minh)**

Môn kiểm tra: Tiếng Anh bậc 3 (Tương đương B1 theo CEFR)

Ngày kiểm tra: 30/05/2026

Phòng kiểm tra: B1.PT03

CBCKTr1: .....

Ký tên:.....

Giờ kiểm tra: Sáng 08:00 - 10:00 (Nói)

CBCKTr2: .....

Ký tên:.....

Chiều 13:30 - 15:30 (Nghe - Đọc - Viết)

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
1	VHU.TAB1.05.141	221A100090	Phan Thị Ngọc	Giàu	30/05/2004	Đồng Nai		
2	VHU.TAB1.05.142	221A050649	Đinh Thị Thuý	Hà	18/07/2004	Gia Lai		
3	VHU.TAB1.05.143	221A040689	Nguyễn Ngọc Bảo	Hà	20/07/2004	Lâm Đồng		
4	VHU.TAB1.05.144	221A030592	Đậu Thị Thu	Hà	11/05/2004	Đồng Nai		
5	VHU.TAB1.05.145	221A370977	Lê Đức	Hải	16/12/2004	Đắk Lắk		
6	VHU.TAB1.05.146	221A010386	Đinh Chí	Hải	31/08/2004	An Giang		
7	VHU.TAB1.05.147	221A310141	Đào Tuấn	Hải	25/08/2004	Vĩnh Long		
8	VHU.TAB1.05.148	231A210902	Ngô Thị Ngọc	Hân	08/10/2005	Đồng Tháp		
9	VHU.TAB1.05.149	221A050401	Đặng Gia	Hân	16/02/2004	An Giang		
10	VHU.TAB1.05.150	231A040069	Phạm Thị Ngọc	Hân	11/12/2005	Vĩnh Long		
11	VHU.TAB1.05.151	221A300034	Huỳnh Thị Ngọc	Hân	01/01/2004	Đồng Tháp		
12	VHU.TAB1.05.152	221A040386	Hoàng Thị Gia	Hân	04/12/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
13	VHU.TAB1.05.153	211A070122	Thi Đỗ Ngọc	Hân	30/06/2003	Tây Ninh		
14	VHU.TAB1.05.154	211A050019	Trần Gia	Hân	29/09/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
15	VHU.TAB1.05.155	221A030961	Đặng Thị Ngọc	Hân	11/03/2003	An Giang		
16	VHU.TAB1.05.156	221A230174	Đỗ Kiều	Hân	09/01/2004	Gia Lai		
17	VHU.TAB1.05.157	221A050616	Nguyễn Ngọc	Hân	28/11/2004	An Giang		
18	VHU.TAB1.05.158	221A100069	Trần Ngọc Bảo	Hân	14/06/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
19	VHU.TAB1.05.159	221A031216	Lại Ngọc	Hân	03/02/2004	An Giang		
20	VHU.TAB1.05.160	221A310289	Nguyễn Lê Gia	Hân	28/04/2004	Thành phố Cần Thơ		

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
21	VHU.TAB1.05.161	221A310100	Nguyễn Minh	Hân	22/05/2004	Khánh Hòa		
22	VHU.TAB1.05.162	221A010269	Nguyễn Ngọc	Hân	19/09/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
23	VHU.TAB1.05.163	221A030894	Lê Ngọc Bảo	Hân	24/10/2004	Khánh Hòa		
24	VHU.TAB1.05.164	211A210270	Nguyễn Ngọc	Hân	27/01/2003	Vĩnh Long		
25	VHU.TAB1.05.165	211A140086	Đặng Vương Hoàng	Hân	16/10/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
26	VHU.TAB1.05.166	221A050057	Trần Bảo	Hân	28/05/2004	Thành phố Cần Thơ		
27	VHU.TAB1.05.167	221A030805	Ngô Kiều Gia	Hân	04/07/2004	Thành phố Đà Nẵng		
28	VHU.TAB1.05.168	211A050024	Nguyễn Ngọc	Hân	24/04/2003	Khánh Hòa		
29	VHU.TAB1.05.169	221A040067	Lê Thị Thuý	Hằng	10/08/2004	Đồng Nai		
30	VHU.TAB1.05.170	221A210158	Lê Thị Thuý	Hằng	13/10/2004	Quảng Ngãi		
31	VHU.TAB1.05.171	221A030601	Nguyễn Thị Ngọc	Hằng	04/09/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
32	VHU.TAB1.05.172	241A370033	Đinh Thị Kim	Hằng	19/11/2006	Lâm Đồng		
33	VHU.TAB1.05.173	191A070133	Phạm Thu	Hằng	29/11/2001	Thành phố Hồ Chí Minh		
34	VHU.TAB1.05.174	221A210672	Phạm Minh	Hằng	05/09/2004	Đắk Lắk		
35	VHU.TAB1.05.175	221A050579	Trần Bích	Hạnh	13/08/2004	Đắk Lắk		
36	VHU.TAB1.05.176	221A230395	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	01/06/2004	Lâm Đồng		
37	VHU.TAB1.05.177	221A080267	Lý Dĩ	Hào	09/02/2004	Cà Mau		
38	VHU.TAB1.05.178	221A010569	Dương Quốc	Hào	01/01/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
39	VHU.TAB1.05.179	211A210295	Phạm Nhật	Hào	07/12/2003	Đồng Tháp		
40	VHU.TAB1.05.180	241A371247	Lưu Trần Như	Hào	01/02/2006	Tây Ninh		
41	VHU.TAB1.05.181	221A371140	Nguyễn Thị Như	Hào	21/11/2004	Tây Ninh		
42	VHU.TAB1.05.182	221A030547	Lê Trung	Hậu	23/07/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
43	VHU.TAB1.05.183	231A370054	Lê Công	Hậu	24/12/2005	Vĩnh Long		
44	VHU.TAB1.05.184	221A030648	Lê Tuấn	Hậu	02/08/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
45	VHU.TAB1.05.185	221A320342	Trịnh Trung	Hậu	13/09/2004	Lâm Đồng		
46	VHU.TAB1.05.186	221A360158	Cao Thị Mỹ	Hiên	12/10/2004	Lâm Đồng		

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
47	VHU.TAB1.05.187	221A371011	Phan Nguyễn Thu	Hiền	23/11/2004	Khánh Hòa		
48	VHU.TAB1.05.188	221A030291	Trần Thị Thu	Hiền	12/03/2004	Thanh Hóa		
49	VHU.TAB1.05.189	221A310128	Dương Thu	Hiền	18/12/2004	Vĩnh Long		
50	VHU.TAB1.05.190	221A300283	Trần Thuý	Hiền	11/05/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
51	VHU.TAB1.05.191	221A050013	Nguyễn Thị Diệu	Hiền	06/05/2004	Tây Ninh		
52	VHU.TAB1.05.192	211A031143	Nguyễn Thị Thu	Hiền	04/08/2003	Lâm Đồng		
53	VHU.TAB1.05.193	221A040377	Nguyễn Thị	Hiệp	26/09/2004	Quảng Trị		
54	VHU.TAB1.05.194	221A370326	Lê Thị Kim	Hiếu	23/07/2004	Gia Lai		
55	VHU.TAB1.05.195	211A070071	Phạm Trung	Hiếu	23/03/2003	Thành phố Cần Thơ		
56	VHU.TAB1.05.196	211A010360	Huỳnh Minh	Hiếu	13/07/2002	An Giang		
57	VHU.TAB1.05.197	221A010820	Nguyễn Trung	Hiếu	24/02/2004	Đắk Lắk		
58	VHU.TAB1.05.198	211A300108	Nguyễn Thị Hồng	Hoa	21/01/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
59	VHU.TAB1.05.199	221A170617	Chung Thị Mỹ	Hoa	09/09/2004	Vĩnh Long		
60	VHU.TAB1.05.200	221A050383	Bùi Thị Mỹ	Hoà	26/07/2004	Khánh Hòa		

Tổng số thí sinh theo danh sách:.....

Số thí sinh dự kiểm tra:.....

Số thí sinh vắng kiểm tra:.....

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KIỂM TRA  
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ**

(Đã ký)

**Nguyễn Thị Thanh Hà**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 05 năm 2026

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 3 (B1 THEO CEFR)  
ĐỢT 05 NĂM 2026**

**(Địa chỉ: HungHau Campus (HEC), Khu chức năng, 13E Đại lộ Nguyễn Văn Linh, xã Bình Hưng, Thành phố Hồ Chí Minh)**

Môn kiểm tra: Tiếng Anh bậc 3 (Tương đương B1 theo CEFR)

Ngày kiểm tra: 30/05/2026

Phòng kiểm tra: B1.PT04

CBCKTr1: .....

Ký tên:.....

Giờ kiểm tra: Sáng 10:00 - 12:00 (Nói)

CBCKTr2: .....

Ký tên:.....

Chiều 13:30 - 15:30 (Nghe - Đọc - Viết)

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
1	VHU.TAB1.05.201	221A050069	Nguyễn Văn	Hoà	29/11/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
2	VHU.TAB1.05.202	221A230195	Trần Thị Thương	Hoài	06/09/2004	Gia Lai		
3	VHU.TAB1.05.203	221A030980	Hoàng Thị	Hoài	02/04/2004	Đắk Lắk		
4	VHU.TAB1.05.204	221A010913	Trần Thị Thu	Hoài	17/11/2004	Đắk Lắk		
5	VHU.TAB1.05.205	221A040610	Vũ Thị	Hoài	24/12/2003	Thanh Hóa		
6	VHU.TAB1.05.206	211A290023	Đặng Minh	Hoàng	02/04/2003	Vĩnh Long		
7	VHU.TAB1.05.207	221A020016	Nguyễn Đức	Hoàng	22/08/2004	Đồng Nai		
8	VHU.TAB1.05.208	221A031366	Phan Mai	Hoàng	04/11/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
9	VHU.TAB1.05.209	221A100107	Ngô Nguyễn Gia	Hoàng	04/03/2004	Đồng Nai		
10	VHU.TAB1.05.210	221A320299	Nguyễn Lạc	Hồng	24/07/2004	Lâm Đồng		
11	VHU.TAB1.05.211	221A370684	Nguyễn Thị Kim	Hồng	02/10/2003	Lâm Đồng		
12	VHU.TAB1.05.212	221A030665	Phạm Thị Kim	Huê	20/09/2004	Đắk Lắk		
13	VHU.TAB1.05.213	231A010805	Vũ Thị	Huê	01/06/2005	Thành phố Hà Nội		
14	VHU.TAB1.05.214	221A210440	Huỳnh Thị Gia	Huệ	25/10/2004	Vĩnh Long		
15	VHU.TAB1.05.215	221A300037	Nguyễn Thanh	Hùng	18/07/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
16	VHU.TAB1.05.216	221A230325	Giang Thái	Hưng	29/10/2004	Phú Thọ		
17	VHU.TAB1.05.217	211A020006	Nguyễn Huỳnh Thương	Hưng	03/12/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
18	VHU.TAB1.05.218	221A011031	Lê Việt	Hưng	12/09/2004	Quảng Trị		
19	VHU.TAB1.05.219	211A031179	Nguyễn Thị Mai	Hương	21/10/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
20	VHU.TAB1.05.220	221A050259	Ngô Thị Cẩm	Hương	01/09/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
21	VHU.TAB1.05.221	221A230202	Võ Thị Kim	Hương	26/06/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
22	VHU.TAB1.05.222	221A170754	Võ Sông	Hương	15/10/2004	Gia Lai		
23	VHU.TAB1.05.223	211A050178	Nguyễn Thị	Hương	22/02/2003	Đồng Nai		

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
24	VHU.TAB1.05.224	221A050096	Nguyễn Thị Mai	Hương	02/05/2004	Đồng Nai		
25	VHU.TAB1.05.225	221A300411	Bùi Thị	Hường	08/02/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
26	VHU.TAB1.05.226	221A230221	Huỳnh Thiện	Hữu	20/07/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
27	VHU.TAB1.05.227	221A080003	Lê Minh	Huy	05/05/2003	Đồng Tháp		
28	VHU.TAB1.05.228	211A210137	Đào Trần Phương	Huy	04/01/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
29	VHU.TAB1.05.229	211A010013	Giêng Tuấn	Huy	16/03/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
30	VHU.TAB1.05.230	221A240130	Võ Gia	Huy	05/03/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		

Tổng số thí sinh theo danh sách:.....

Số thí sinh dự kiểm tra:.....

Số thí sinh vắng kiểm tra:.....

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KIỂM TRA  
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ**

*(Đã ký)*

**Nguyễn Thị Thanh Hà**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 05 năm 2026

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 3 (B1 THEO CEFR)  
ĐỢT 05 NĂM 2026**

**(Địa chỉ: HungHau Campus (HEC), Khu chức năng, 13E Đại lộ Nguyễn Văn Linh, xã Bình Hưng, Thành phố Hồ Chí Minh)**

Môn kiểm tra: Tiếng Anh bậc 3 (Tương đương B1 theo CEFR)

Ngày kiểm tra: 30/05/2026

Phòng kiểm tra: B1.PT05

CBCKTr1: .....

Ký tên:.....

Giờ kiểm tra: Sáng 08:00 - 10:00 (Nghe - Đọc - Viết)

CBCKTr2: .....

Ký tên:.....

Chiều 13:30 - 15:30 (Nói)

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
1	VHU.TAB1.05.231	221A050713	Nguyễn Trường	Huy	29/05/2004	An Giang		
2	VHU.TAB1.05.232	221A050329	Tiêu Khang	Huy	28/10/2004	Cà Mau		
3	VHU.TAB1.05.233	221A320007	Võ Trần Gia	Huy	03/01/2004	Đồng Tháp		
4	VHU.TAB1.05.234	211A300087	Lưu Đức	Huy	14/12/2003	Đồng Nai		
5	VHU.TAB1.05.235	221A370594	Lê Trần Minh	Huy	16/09/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
6	VHU.TAB1.05.236	221A100208	Nguyễn Hoàng	Huy	21/06/2000	Thành phố Hồ Chí Minh		
7	VHU.TAB1.05.237	221A030493	Trương Đăng	Huy	03/03/2004	Cà Mau		
8	VHU.TAB1.05.238	211A270028	Trương Gia	Huy	04/10/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
9	VHU.TAB1.05.239	211A080030	Châu Đan	Huy	19/09/2003	Cà Mau		
10	VHU.TAB1.05.240	221A040653	Lý Đức	Huy	04/06/2004	An Giang		
11	VHU.TAB1.05.241	211A050082	Phạm Trần Gia	Huy	08/06/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
12	VHU.TAB1.05.242	221A050163	Nguyễn Ngọc	Huyền	12/11/2003	Tây Ninh		
13	VHU.TAB1.05.243	221A050164	Phan Thị Minh	Huyền	12/02/2004	Tây Ninh		
14	VHU.TAB1.05.244	221A040023	Trịnh Phạm Khánh	Huyền	11/07/2004	Lâm Đồng		
15	VHU.TAB1.05.245	221A320135	Nguyễn Thị Bích	Huyền	21/12/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
16	VHU.TAB1.05.246	221A070147	Đặng Thị Khánh	Huyền	13/11/2004	Hưng Yên		
17	VHU.TAB1.05.247	221A030452	Nguyễn Thị Như	Huyền	05/09/2004	Vĩnh Long		
18	VHU.TAB1.05.248	221A270119	Nguyễn Thị Như	Huyền	13/08/2004	Vĩnh Long		
19	VHU.TAB1.05.249	211A290051	Ngô Vương	Hy	18/01/2003	Đắk Lắk		
20	VHU.TAB1.05.250	221A300150	Lê Trí	Kế	29/03/2004	An Giang		
21	VHU.TAB1.05.251	221A140518	Nguyễn Đỗ Phúc	Kha	09/02/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
22	VHU.TAB1.05.252	221A370122	Trịnh Ngọc Song	Kha	10/01/2004	Gia Lai		
23	VHU.TAB1.05.253	211A030582	Lê Minh	Khải	07/06/2003	Quảng Ngãi		

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
24	VHU.TAB1.05.254	221A230117	Phan Trường	Khải	30/05/2004	Gia Lai		
25	VHU.TAB1.05.255	221A010044	Nguyễn Công	Khải	22/01/2004	Khánh Hòa		
26	VHU.TAB1.05.256	201A150164	Nguyễn Trần Nhĩ	Khang	30/09/2002	Đồng Tháp		
27	VHU.TAB1.05.257	221A370121	Trịnh Ngọc Song	Khang	10/01/2004	Gia Lai		
28	VHU.TAB1.05.258	221A310129	Nguyễn Vân	Khánh	24/05/2004	Vĩnh Long		
29	VHU.TAB1.05.259	211A220011	Trần Duy	Khánh	05/06/2003	Lâm Đồng		
30	VHU.TAB1.05.260	221A370765	Đoàn Ngọc	Khánh	29/08/2004	Đồng Nai		
31	VHU.TAB1.05.261	211A010349	Phạm Phương	Khánh	18/03/2003	Vĩnh Long		
32	VHU.TAB1.05.262	221A320024	Nguyễn Gia	Khánh	23/04/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
33	VHU.TAB1.05.263	221A040454	Biện Võ An	Khánh	10/02/2004	An Giang		
34	VHU.TAB1.05.264	231A210381	Trần Thiện	Khiêm	13/06/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
35	VHU.TAB1.05.265	221A010185	Lê Đăng	Khoa	24/08/2004	Đồng Tháp		
36	VHU.TAB1.05.266	231A031115	Nguyễn Nhật	Khoa	25/05/2005	Tây Ninh		
37	VHU.TAB1.05.267	221A010405	Nguyễn Đăng	Khoa	15/09/2004	Đồng Tháp		
38	VHU.TAB1.05.268	211A030838	Nguyễn Tấn	Khoa	03/09/2003	Đồng Tháp		
39	VHU.TAB1.05.269	221A020066	Nguyễn Thạch	Khỏe	06/04/2004	Cà Mau		
40	VHU.TAB1.05.270	201A010163	Phùng Minh	Khôi	19/04/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
41	VHU.TAB1.05.271	221A040581	Lê Hoàng Ngọc	Khuê	12/07/2004	Khánh Hòa		
42	VHU.TAB1.05.272	225A030002	Nguyễn Trung	Kiên	23/02/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
43	VHU.TAB1.05.273	221A031398	Nguyễn Si	Kiên	09/09/2004	Gia Lai		
44	VHU.TAB1.05.274	221A050165	Nguyễn Ngọc Tuấn	Kiệt	03/07/2004	Đồng Tháp		
45	VHU.TAB1.05.275	221A011238	Bùi Lê Tuấn	Kiệt	23/01/2004	Cà Mau		

Tổng số thí sinh theo danh sách:.....

Số thí sinh dự kiểm tra:.....

Số thí sinh vắng kiểm tra:.....

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KIỂM TRA  
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ**

(Đã ký)

**Nguyễn Thị Thanh Hà**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 05 năm 2026

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 3 (B1 THEO CEFR)  
ĐỢT 05 NĂM 2026**

**(Địa chỉ: HungHau Campus (HEC), Khu chức năng, 13E Đại lộ Nguyễn Văn Linh, xã Bình Hưng, Thành phố Hồ Chí Minh)**

Môn kiểm tra: Tiếng Anh bậc 3 (Tương đương B1 theo CEFR)

Ngày kiểm tra: 30/05/2026

Phòng kiểm tra: B1.PT06

CBCKTr1: .....

Ký tên:.....

Giờ kiểm tra: Sáng 08:00 - 10:00 (Nghe - Đọc - Viết)

CBCKTr2: .....

Ký tên:.....

Chiều 15:30 - 17:30 (Nói)

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
1	VHU.TAB1.05.276	211A010252	Đoàn Anh	Kiệt	03/05/2003	Tây Ninh		
2	VHU.TAB1.05.277	221A320238	Phùng Tuấn	Kiệt	20/10/2004	Tây Ninh		
3	VHU.TAB1.05.278	221A040018	Lương Tuấn	Kiệt	20/05/2004	Tây Ninh		
4	VHU.TAB1.05.279	221A040603	Nguyễn Thị Diễm	Kiều	03/12/2004	Tây Ninh		
5	VHU.TAB1.05.280	221A210558	Trần Thị Thuý	Kiều	19/11/2004	Đồng Nai		
6	VHU.TAB1.05.281	221A370769	Ngô Phụng	Kiều	29/06/2004	Vĩnh Long		
7	VHU.TAB1.05.282	221A320223	Trần Thị Mỹ	Kim	12/10/2004	Đồng Nai		
8	VHU.TAB1.05.283	221A320222	Nguyễn Thượng Thiên	Kim	05/10/2004	Tây Ninh		
9	VHU.TAB1.05.284	221A370871	Đặng Thị Ngân	Kim	03/08/2004	Quảng Ngãi		
10	VHU.TAB1.05.285	221A370377	Lê Văn	Lam	01/10/2004	Tây Ninh		
11	VHU.TAB1.05.286	221A300131	Phan Thị Trúc	Lam	18/07/2004	An Giang		
12	VHU.TAB1.05.287	221A270070	Trần Thị Hồng	Lam	08/04/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
13	VHU.TAB1.05.288	221A030734	Trần Thị Ngọc	Lam	17/10/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
14	VHU.TAB1.05.289	221A030834	Phan Lê Trúc	Lam	30/04/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
15	VHU.TAB1.05.290	221A270071	Nguyễn Thị Hương	Lan	01/07/2004	Gia Lai		
16	VHU.TAB1.05.291	211A040223	Đặng Hoàng	Lan	16/11/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
17	VHU.TAB1.05.292	221A050448	Cao Thị Hồng	Liên	03/12/2004	Tây Ninh		
18	VHU.TAB1.05.293		Nguyễn Thị	Liên	08/03/1991	Hưng Yên		
19	VHU.TAB1.05.294	221A030576	Nguyễn Thị Hồng	Liên	29/10/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
20	VHU.TAB1.05.295	221A320360	Ksor H Me	Lin	28/06/2004	Gia Lai		
21	VHU.TAB1.05.296	221A270111	Trần Quang	Linh	14/05/2004	Cà Mau		
22	VHU.TAB1.05.297	221A370984	Nguyễn Trần Ngọc	Linh	12/11/2004	Gia Lai		
23	VHU.TAB1.05.298	221A370591	Dương Thị Cẩm	Linh	14/07/2004	Đồng Nai		

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
24	VHU.TAB1.05.299	221A370884	Huỳnh Lê Thị Thuỳ	Linh	12/04/2004	Đồng Nai		
25	VHU.TAB1.05.300	221A210643	Trương Nguyễn Mỹ	Linh	11/12/2004	Lâm Đồng		
26	VHU.TAB1.05.301	221A040645	Lường Thị	Linh	10/10/2003	Đắk Lắk		
27	VHU.TAB1.05.302	221A210366	Phạm Huỳnh Quế	Linh	18/08/2004	Tây Ninh		
28	VHU.TAB1.05.303	191A070108	Thị Nguyễn Thùy	Linh	21/10/2001	Thành phố Hồ Chí Minh		
29	VHU.TAB1.05.304	221A230367	Lữ Thị Nhã	Linh	30/01/2004	Đồng Nai		
30	VHU.TAB1.05.305	221A080163	Trần Mỹ	Linh	11/01/2004	Lâm Đồng		

Tổng số thí sinh theo danh sách:.....

Số thí sinh dự kiểm tra:.....

Số thí sinh vắng kiểm tra:.....

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KIỂM TRA  
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ**

(Đã ký)

**Nguyễn Thị Thanh Hà**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 05 năm 2026

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 3 (B1 THEO CEFR)  
ĐỢT 05 NĂM 2026**

**(Địa chỉ: HungHau Campus (HEC), Khu chức năng, 13E Đại lộ Nguyễn Văn Linh, xã Bình Hưng, Thành phố Hồ Chí Minh)**

Môn kiểm tra: Tiếng Anh bậc 3 (Tương đương B1 theo CEFR)

Ngày kiểm tra: 30/05/2026

Phòng kiểm tra: B1.PT07

CBCKTr1: .....

Ký tên:.....

Giờ kiểm tra: Sáng 08:00 - 10:00 (Nghe - Đọc - Viết)

CBCKTr2: .....

Ký tên:.....

Chiều 13:30 - 15:30 (Nói)

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
1	VHU.TAB1.05.306	221A300367	Lợi Thị Hằng	Linh	13/11/2004	Lâm Đồng		
2	VHU.TAB1.05.307	221A030287	Đặng Nhã	Linh	26/10/2003	Cà Mau		
3	VHU.TAB1.05.308	201A010147	Long Huệ	Linh	16/05/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
4	VHU.TAB1.05.309	221A050635	Đào Thị Thùy	Linh	11/06/2004	Đồng Tháp		
5	VHU.TAB1.05.310	211A030755	Lê Thị Trúc	Linh	03/06/2003	Đồng Nai		
6	VHU.TAB1.05.311	221A070200	Nguyễn Thị Thùy	Linh	09/02/2004	Đồng Nai		
7	VHU.TAB1.05.312	221A370310	Lê Thị Yên	Linh	25/05/2004	Đồng Tháp		
8	VHU.TAB1.05.313	221A080376	Lê Thị Diệu	Linh	23/06/2003	Thanh Hóa		
9	VHU.TAB1.05.314	221A040305	Lê Thị Yên	Linh	04/11/2004	An Giang		
10	VHU.TAB1.05.315	221A230086	Nguyễn Kim Kiều	Linh	01/10/2003	Hàn Quốc		
11	VHU.TAB1.05.316	221A030521	Vũ Thị Ngọc	Linh	02/06/2004	Khánh Hòa		
12	VHU.TAB1.05.317	236A030023	Nguyễn Thanh	Linh	04/10/1989	Lâm Đồng		
13	VHU.TAB1.05.318	221A210347	Phạm Kim	Loan	12/02/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
14	VHU.TAB1.05.319	221A370774	Nguyễn Thị Kiều	Loan	05/09/2004	Đồng Tháp		
15	VHU.TAB1.05.320	221A040274	Phan Trần Kim	Loan	18/07/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
16	VHU.TAB1.05.321	221A371182	Đinh Thị	Loan	08/02/2004	Đắk Lắk		
17	VHU.TAB1.05.322	221A030562	Nguyễn Thị Kim	Loan	25/12/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
18	VHU.TAB1.05.323	221A010678	Nguyễn Tấn	Lộc	26/03/2004	Tây Ninh		
19	VHU.TAB1.05.324	211A010114	Nguyễn Hữu	Lộc	18/12/2003	Gia Lai		
20	VHU.TAB1.05.325	221A020041	Đặng Đức	Lộc	20/02/2004	Gia Lai		
21	VHU.TAB1.05.326	221A030352	Nguyễn Hữu	Lộc	26/08/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
22	VHU.TAB1.05.327	211A030435	Vương Phước	Lộc	01/05/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
23	VHU.TAB1.05.328	221A010174	Trần Quốc	Lợi	15/10/2004	Tây Ninh		

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
24	VHU.TAB1.05.329	211A070157	Đình Tấn	Lợi	25/05/2003	Vĩnh Long		
25	VHU.TAB1.05.330	211A040276	Đặng Hoàng	Long	12/05/2003	Đồng Tháp		
26	VHU.TAB1.05.331	221A030808	Phạm Tân Hoàng	Long	18/09/2004	Quảng Ngãi		
27	VHU.TAB1.05.332	211A020005	Lê Hoàng	Long	31/08/2003	Đồng Nai		
28	VHU.TAB1.05.333	211A050277	Hoàng	Long	19/08/2003	Đồng Nai		
29	VHU.TAB1.05.334	191A010168	Nguyễn Hoàng	Long	24/11/2000	Thành phố Hồ Chí Minh		
30	VHU.TAB1.05.335	221A020017	Đặng Hoàng	Luân	27/04/2004	Gia Lai		
31	VHU.TAB1.05.336	211A070106	Bùi Trọng Quan	Luật	13/11/2001	Quảng Ngãi		
32	VHU.TAB1.05.337	221A011224	Phạm Thanh	Lương	14/08/2004	Nghệ An		
33	VHU.TAB1.05.338	221A310181	Trương Thị Ngọc	Ly	29/01/2004	Tây Ninh		
34	VHU.TAB1.05.339	221A300181	Trần Thị Chúc	Ly	18/07/2004	Đồng Tháp		
35	VHU.TAB1.05.340	221A230278	Từ Thị Bạch	Ly	05/01/2004	Quảng Ngãi		

Tổng số thí sinh theo danh sách:.....

Số thí sinh dự kiểm tra:.....

Số thí sinh vắng kiểm tra:.....

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KIỂM TRA  
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ**

(Đã ký)

**Nguyễn Thị Thanh Hà**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 05 năm 2026

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 3 (B1 THEO CEFR)  
ĐỢT 05 NĂM 2026**

**(Địa chỉ: HungHau Campus (HEC), Khu chức năng, 13E Đại lộ Nguyễn Văn Linh, xã Bình Hưng, Thành phố Hồ Chí Minh)**

Môn kiểm tra: Tiếng Anh bậc 3 (Tương đương B1 theo CEFR)

Ngày kiểm tra: 30/05/2026

Phòng kiểm tra: B1.PT08

CBCKTr1: .....

Ký tên:.....

Giờ kiểm tra: Sáng 08:00 - 10:00 (Nghe - Đọc - Viết)

CBCKTr2: .....

Ký tên:.....

Chiều 15:30 - 17:30 (Nói)

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
1	VHU.TAB1.05.341	221A031101	Nguyễn Thị Cẩm	Ly	05/11/2004	Cà Mau		
2	VHU.TAB1.05.342	221A050637	Nguyễn Khánh	Ly	17/09/2004	An Giang		
3	VHU.TAB1.05.343	221A290096	Phan Thị Kim	Ly	18/11/2004	An Giang		
4	VHU.TAB1.05.344	211A040238	Nguyễn Thị Ly	Ly	06/09/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
5	VHU.TAB1.05.345	221A031390	Trần Thị Hồng	Ly	26/10/2004	Lâm Đồng		
6	VHU.TAB1.05.346	221A370032	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	08/07/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
7	VHU.TAB1.05.347	231A210901	Giang Hồng	Mai	16/05/2005	Đồng Tháp		
8	VHU.TAB1.05.348	221A370703	Lê Thị Ngọc	Mai	13/11/2004	Đồng Tháp		
9	VHU.TAB1.05.349	221A040324	Nguyễn Phạm Thu	Mai	31/10/2004	Đồng Nai		
10	VHU.TAB1.05.350	221A320030	Nguyễn Trúc	Mai	04/09/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
11	VHU.TAB1.05.351	221A050592	Phạm Thị Trúc	Mai	12/02/2004	Tây Ninh		
12	VHU.TAB1.05.352	221A030744	Lê Thị Cúc	Mai	08/11/2003	An Giang		
13	VHU.TAB1.05.353	221A050611	Ngô Huệ	Mẫn	12/12/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
14	VHU.TAB1.05.354	221A050112	Tạ Huệ	Mẫn	01/07/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
15	VHU.TAB1.05.355	221A030538	Trần Thanh	Mẫn	02/02/2004	Tây Ninh		
16	VHU.TAB1.05.356	221A050090	Nguyễn Trần Hà	Mi	18/01/2004	Đắk Lắk		
17	VHU.TAB1.05.357	221A030426	Phan	Michelle	24/03/2004	Đồng Tháp		
18	VHU.TAB1.05.358	221A310073	Nguyễn Thị Tuyết	Minh	16/11/2004	An Giang		
19	VHU.TAB1.05.359	211A030886	Phạm Công	Minh	03/08/2003	Đồng Nai		
20	VHU.TAB1.05.360	221A040152	Nguyễn Quốc	Minh	02/06/2004	Tây Ninh		
21	VHU.TAB1.05.361	211A010254	Hồ Hoàng	Minh	17/07/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
22	VHU.TAB1.05.362	221A100039	Tô Yến	Minh	24/02/2004	Cà Mau		
23	VHU.TAB1.05.363	221A080184	Ừng Phú	Minh	01/04/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
24	VHU.TAB1.05.364	221A040190	Phạm Thị Tuyết	My	22/06/2004	Đồng Tháp		
25	VHU.TAB1.05.365	231A210342	Lưu Hồng Diễm	My	13/10/2005	Đồng Tháp		
26	VHU.TAB1.05.366	211A100055	Nguyễn Thị Diễm	My	14/01/2003	Đồng Nai		
27	VHU.TAB1.05.367	211A030028	Trịnh Hoàng Hà	My	01/09/2002	Đồng Nai		
28	VHU.TAB1.05.368	221A070254	Trương Kiều	My	22/09/2004	Cà Mau		
29	VHU.TAB1.05.369	221A370809	Võ Thị Trà	My	14/08/2004	Đắk Lắk		
30	VHU.TAB1.05.370	221A360132	Bùi Thị Diễm	My	06/06/2004	Gia Lai		
31	VHU.TAB1.05.371	221A230421	Nguyễn Thị Trà	My	04/09/2004	Gia Lai		
32	VHU.TAB1.05.372	221A050033	Nguyễn Thanh Thảo	My	14/04/2004	An Giang		
33	VHU.TAB1.05.373	211A080225	Hà Thị Diễm	My	22/10/2003	Vĩnh Long		
34	VHU.TAB1.05.374	211A070184	Phan Thị Kiều	My	24/08/2003	Lâm Đồng		
35	VHU.TAB1.05.375	221A310060	Nguyễn Thị Trà	My	19/12/2004	Đồng Nai		

Tổng số thí sinh theo danh sách:.....

Số thí sinh dự kiểm tra:.....

Số thí sinh vắng kiểm tra:.....

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KIỂM TRA  
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ**

(Đã ký)

**Nguyễn Thị Thanh Hà**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 05 năm 2026

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 3 (B1 THEO CEFR)  
ĐỢT 05 NĂM 2026**

**(Địa chỉ: HungHau Campus (HEC), Khu chức năng, 13E Đại lộ Nguyễn Văn Linh, xã Bình Hưng, Thành phố Hồ Chí Minh)**

Môn kiểm tra: Tiếng Anh bậc 3 (Tương đương B1 theo CEFR)

Ngày kiểm tra: 30/05/2026

Phòng kiểm tra: B1.PT09

CBCKTr1: .....

Ký tên:.....

Giờ kiểm tra: Sáng 08:00 - 10:00 (Nghe - Đọc - Viết)

CBCKTr2: .....

Ký tên:.....

Chiều 13:30 - 15:30 (Nói)

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
1	VHU.TAB1.05.376	221A070274	Lê Thị Kiều	My	21/09/2004	Vĩnh Long		
2	VHU.TAB1.05.377	221A371116	Nguyễn Thị Trà	My	08/07/2004	Đắk Lắk		
3	VHU.TAB1.05.378	221A370093	Đào Trần Thiên	Mỹ	20/12/2004	Đồng Tháp		
4	VHU.TAB1.05.379	221A050460	Nguyễn Thanh	Mỹ	26/11/2004	Đồng Tháp		
5	VHU.TAB1.05.380	221A030856	Hồ Như	My	12/05/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
6	VHU.TAB1.05.381	211A010397	Hà Đức Hoàng	Nam	23/10/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
7	VHU.TAB1.05.382	231A371086	Nguyễn Hoài	Nam	22/06/2005	Thành phố Hồ Chí Minh		
8	VHU.TAB1.05.383	211A030476	Dương Hoài	Nam	08/03/2003	Vĩnh Long		
9	VHU.TAB1.05.384	191A080118	Phạm Quốc	Nam	22/10/2001	Thành phố Hồ Chí Minh		
10	VHU.TAB1.05.385	221A270054	Hoàng Thị Thuý	Nga	25/01/2004	Đồng Nai		
11	VHU.TAB1.05.386	231A030831	Nguyễn Phi	Nga	20/01/2005	An Giang		
12	VHU.TAB1.05.387	221A030673	Trương Thị Nguyệt	Nga	12/09/2003	Lâm Đồng		
13	VHU.TAB1.05.388	221A320204	Nguyễn Thị Tuyết	Nga	16/07/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
14	VHU.TAB1.05.389	221A150292	Phan Ngô Ngọc	Ngà	21/12/2004	Lâm Đồng		
15	VHU.TAB1.05.390	211A230153	Nguyễn Thị Kim	Ngà	10/08/2003	Đồng Nai		
16	VHU.TAB1.05.391	221A300006	Lê Tấn	Ngà	04/09/2004	Quảng Ngãi		
17	VHU.TAB1.05.392	221A320061	Phạm Thị Như	Ngà	12/12/2004	An Giang		
18	VHU.TAB1.05.393	221A040012	Trần Bảo	Ngân	16/11/2004	Gia Lai		
19	VHU.TAB1.05.394	221A031008	Nguyễn Huỳnh Kim	Ngân	26/09/2003	Gia Lai		
20	VHU.TAB1.05.395	221A370358	Dương Kim	Ngân	29/06/2004	Gia Lai		
21	VHU.TAB1.05.396	221A040318	Đoàn Kim	Ngân	10/10/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
22	VHU.TAB1.05.397	211A100071	Nguyễn Tuyết	Ngân	09/02/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
23	VHU.TAB1.05.398	221A080266	Đoàn Thị Kim	Ngân	18/07/2003	Vĩnh Long		

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
24	VHU.TAB1.05.399	231A210214	Nguyễn Phùng Thuỷ	Ngân	15/06/2005	Quảng Ngãi		
25	VHU.TAB1.05.400	231A320181	Nguyễn Cao Thảo	Ngân	16/10/2005	Vĩnh Long		
26	VHU.TAB1.05.401	211A210008	Huỳnh Tuyết	Ngân	07/06/2003	Vĩnh Long		
27	VHU.TAB1.05.402	201A180016	Hữu Bích	Ngân	13/02/2002	Cà Mau		
28	VHU.TAB1.05.403	211A010188	Quách Kim	Ngân	23/06/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
29	VHU.TAB1.05.404	221A040551	Đoàn Yên	Ngân	12/07/2004	Đồng Tháp		
30	VHU.TAB1.05.405	211A300040	Đào Nguyễn Thảo	Ngân	30/06/2003	Gia Lai		
31	VHU.TAB1.05.406	221A310055	Lâm Thị Trúc	Ngân	23/07/2004	Đồng Tháp		
32	VHU.TAB1.05.407	211A090017	Trần Thị Kim	Ngân	20/09/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
33	VHU.TAB1.05.408	221A320187	Phan Nguyễn Thu	Ngân	03/04/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
34	VHU.TAB1.05.409	211A030621	Võ Thành	Ngân	03/01/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
35	VHU.TAB1.05.410	211A100054	Trần Kim	Ngân	28/09/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		

Tổng số thí sinh theo danh sách:.....

Số thí sinh dự kiểm tra:.....

Số thí sinh vắng kiểm tra:.....

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KIỂM TRA  
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ**

(Đã ký)

**Nguyễn Thị Thanh Hà**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 05 năm 2026

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 3 (B1 THEO CEFR)  
ĐỢT 05 NĂM 2026**

**(Địa chỉ: HungHau Campus (HEC), Khu chức năng, 13E Đại lộ Nguyễn Văn Linh, xã Bình Hưng, Thành phố Hồ Chí Minh)**

Môn kiểm tra: Tiếng Anh bậc 3 (Tương đương B1 theo CEFR)

Ngày kiểm tra: 30/05/2026

Phòng kiểm tra: B1.PT10

CBCKTr1: .....

Ký tên:.....

Giờ kiểm tra: Sáng 08:00 - 10:00 (Nghe - Đọc - Viết)

CBCKTr2: .....

Ký tên:.....

Chiều 15:30 - 17:30 (Nói)

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
1	VHU.TAB1.05.411	221A210092	Lý Tuyết	Ngân	04/09/2004	Vĩnh Long		
2	VHU.TAB1.05.412	221A070163	Võ Ngọc Kim	Ngân	15/11/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
3	VHU.TAB1.05.413	221A050585	Trương Thị Mỹ	Ngân	14/11/2004	Quảng Ngãi		
4	VHU.TAB1.05.414	211A080031	Nguyễn Thị Thu	Ngân	12/01/2002	An Giang		
5	VHU.TAB1.05.415	211A030262	Vương Kim	Ngân	24/08/2003	An Giang		
6	VHU.TAB1.05.416	211A210283	Đỗ Hồng	Ngát	29/11/2003	Thành phố Hải Phòng		
7	VHU.TAB1.05.417	211A030852	Nguyễn Thị Xuân	Nghi	08/09/2003	Khánh Hòa		
8	VHU.TAB1.05.418	221A370802	Đặng Thị Kim	Nghi	20/07/2004	Lâm Đồng		
9	VHU.TAB1.05.419	221A080065	Trần Lê Hồng	Nghi	23/12/2004	Tây Ninh		
10	VHU.TAB1.05.420	221A100120	Trần Trọng	Nghĩa	19/01/2004	Đồng Tháp		
11	VHU.TAB1.05.421	211A030952	Phan Bé	Ngoan	15/10/2003	Cà Mau		
12	VHU.TAB1.05.422	191A070005	Lê Bảo	Ngọc	25/01/2001	Vĩnh Long		
13	VHU.TAB1.05.423	221A230318	Đặng Hồ	Ngọc	18/08/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
14	VHU.TAB1.05.424	221A370732	Huỳnh Lư Yên	Ngọc	24/07/2004	An Giang		
15	VHU.TAB1.05.425	221A300413	Huỳnh Lâm Bảo	Ngọc	21/06/2003	An Giang		
16	VHU.TAB1.05.426	221A030356	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	18/05/2004	An Giang		
17	VHU.TAB1.05.427	221A031038	Nguyễn Lê Bích	Ngọc	27/11/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
18	VHU.TAB1.05.428	221A100143	Trần Phạm Bảo	Ngọc	13/08/2004	Vĩnh Long		
19	VHU.TAB1.05.429	221A170738	Phạm Thị Hồng	Ngọc	20/05/2004	Gia Lai		
20	VHU.TAB1.05.430	231A070308	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	10/10/2005	Tây Ninh		
21	VHU.TAB1.05.431	181A070192	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	18/02/2000	Đồng Tháp		
22	VHU.TAB1.05.432	211A010385	Nguyễn Thanh	Ngọc	14/10/2003	Đồng Tháp		
23	VHU.TAB1.05.433	221A050128	Trần Thị Như	Ngọc	28/10/2004	Lâm Đồng		

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
24	VHU.TAB1.05.434	211A030428	Nguyễn Trương Hoài	Ngọc	29/06/2003	An Giang		
25	VHU.TAB1.05.435	221A050615	Diệp Yến	Ngọc	22/07/2004	An Giang		
26	VHU.TAB1.05.436	221A370534	Mã Bảo	Ngọc	03/10/2004	Gia Lai		
27	VHU.TAB1.05.437	221A100199	Nguyễn Thị Bảo	Ngọc	13/12/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		

Tổng số thí sinh theo danh sách:.....

Số thí sinh dự kiểm tra:.....

Số thí sinh vắng kiểm tra:.....

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KIỂM TRA  
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ**

*(Đã ký)*

**Nguyễn Thị Thanh Hà**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 05 năm 2026

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 3 (B1 THEO CEFR)  
ĐỢT 05 NĂM 2026**

**(Địa chỉ: HungHau Campus (HEC), Khu chức năng, 13E Đại lộ Nguyễn Văn Linh, xã Bình Hưng, Thành phố Hồ Chí Minh)**

Môn kiểm tra: Tiếng Anh bậc 3 (Tương đương B1 theo CEFR)

Ngày kiểm tra: 31/05/2026

Phòng kiểm tra: B1.PT11

CBCKTr1: .....

Ký tên:.....

Giờ kiểm tra: Sáng 08:00 - 10:00 (Nghe - Đọc - Viết)

CBCKTr2: .....

Ký tên:.....

Chiều 13:30 - 17:30 (Nói)

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
1	VHU.TAB1.05.438	221A040412	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	27/04/2004	Đồng Tháp		
2	VHU.TAB1.05.439	221A360023	Nguyễn Thảo	Nguyên	06/05/2004	Khánh Hòa		
3	VHU.TAB1.05.440	221A270038	Nguyễn Thị Thái	Nguyên	16/02/2004	Thành phố Cần Thơ		
4	VHU.TAB1.05.441	231A360066	Trần Nguyễn Xuân	Nguyên	30/10/2005	Đồng Tháp		
5	VHU.TAB1.05.442	221A230446	Nguyễn Trang	Nguyên	06/10/2004	Gia Lai		
6	VHU.TAB1.05.443	231A320285	Phan Lê Thái	Nguyên	18/02/2005	Đồng Tháp		
7	VHU.TAB1.05.444	221A050711	Phan Thế Cao	Nguyên	27/10/2003	Đắk Lắk		
8	VHU.TAB1.05.445	221A040385	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	02/10/2004	Quảng Ngãi		
9	VHU.TAB1.05.446	221A370036	Trần Ngọc Tú	Nguyên	01/08/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
10	VHU.TAB1.05.447	221A370735	Nguyễn Đình	Nguyên	04/11/2004	Đồng Tháp		
11	VHU.TAB1.05.448	221A210554	Đặng Thị Thúy	Nguyên	21/11/2004	An Giang		
12	VHU.TAB1.05.449	221A230150	Đỗ Thị Hoàng	Nguyên	01/11/2003	Gia Lai		
13	VHU.TAB1.05.450	221A040420	Nguyễn Thị	Nguyên	23/04/2004	An Giang		
14	VHU.TAB1.05.451	221A030429	Trần Thị Thảo	Nguyên	19/05/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
15	VHU.TAB1.05.452	221A230512	Phan Ngọc Thảo	Nguyên	20/11/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
16	VHU.TAB1.05.453	221A370197	Lê Thị Minh	Nguyệt	09/11/2004	Vĩnh Long		
17	VHU.TAB1.05.454	221A270041	Nguyễn Thị Anh	Nguyệt	23/01/2004	Đồng Nai		
18	VHU.TAB1.05.455	221A030132	Võ Thị Minh	Nguyệt	02/07/2004	Vĩnh Long		
19	VHU.TAB1.05.456	221A210190	Nguyễn Thị Thu	Nguyệt	15/08/2004	Gia Lai		
20	VHU.TAB1.05.457	221A100086	Lê Thị Ánh	Nguyệt	20/11/2003	Tây Ninh		
21	VHU.TAB1.05.458	211A130003	Néang Canh	Nha	05/02/2003	An Giang		
22	VHU.TAB1.05.459	211A110047	Nguyễn Tuyết Phượng	Nhã	27/07/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
23	VHU.TAB1.05.460	221A040070	Phạm Thị Thu	Nhài	19/11/2004	Lâm Đồng		

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
24	VHU.TAB1.05.461	221A050267	Nguyễn Thị Minh	Nhàn	02/03/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
25	VHU.TAB1.05.462	221A030888	Trương Khiết	Nhàn	04/11/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
26	VHU.TAB1.05.463	221A370928	Nguyễn Thị Thanh	Nhàn	22/02/2004	Quảng Trị		
27	VHU.TAB1.05.464	211A290049	Dương Đăng Bảo	Nhân	01/03/2003	Gia Lai		
28	VHU.TAB1.05.465	221A070261	Lê Anh	Nhân	07/11/2004	Gia Lai		
29	VHU.TAB1.05.466	211A290027	Trương Thành	Nhân	07/07/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
30	VHU.TAB1.05.467	221A370215	Nguyễn Vũ Thiện	Nhân	21/07/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
31	VHU.TAB1.05.468	181A270016	Đặng Hoàng	Nhật	07/07/1999	Cà Mau		
32	VHU.TAB1.05.469	221A030049	Võ Minh	Nhật	06/05/2001	An Giang		
33	VHU.TAB1.05.470	221A310252	Trần Thị	Nhật	04/11/2004	Bắc Ninh		
34	VHU.TAB1.05.471	221A010184	Phạm Thanh	Nhật	15/11/2003	Tây Ninh		
35	VHU.TAB1.05.472	221A230286	Tổng Phước	Nhật	20/08/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
36	VHU.TAB1.05.473	221A110040	Ngô Huỳnh Thảo	Nhi	02/11/2004	Đồng Tháp		
37	VHU.TAB1.05.474	211A210287	Trương Thị Phương	Nhi	12/01/2003	Quảng Trị		
38	VHU.TAB1.05.475	221A050179	Đặng Thị Mai	Nhi	27/02/2004	Đồng Nai		
39	VHU.TAB1.05.476	211A080011	Đào Nguyễn Yến	Nhi	30/06/2003	Khánh Hòa		
40	VHU.TAB1.05.477	221A370224	Lưu Thị Yến	Nhi	18/07/2004	Gia Lai		
41	VHU.TAB1.05.478	221A370478	Nguyễn Đàm Uyển	Nhi	11/06/2004	Đồng Nai		
42	VHU.TAB1.05.479	221A371103	Lê Phạm Thảo	Nhi	17/11/2004	Đồng Nai		
43	VHU.TAB1.05.480	221A031063	Lữ Thuý	Nhi	04/03/2004	Vĩnh Long		
44	VHU.TAB1.05.481	221A230214	Vũ Linh	Nhi	08/12/2004	Thanh Hóa		
45	VHU.TAB1.05.482	221A370902	Cao Thị Yến	Nhi	26/07/2003	Thành phố Đà Nẵng		
46	VHU.TAB1.05.483	211A210183	Lê Thị Yến	Nhi	17/05/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
47	VHU.TAB1.05.484	221A030245	Ngô Trần Yến	Nhi	14/08/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
48	VHU.TAB1.05.485	221A300061	Nguyễn Vũ Yến	Nhi	20/06/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
49	VHU.TAB1.05.486	221A040649	Trần Thị Thu	Nhi	24/08/2004	Đắk Lắk		
50	VHU.TAB1.05.487	221A310206	Huỳnh Thị Anh	Nhi	21/04/2004	Gia Lai		
51	VHU.TAB1.05.488	221A320244	Trần Nguyễn Yến	Nhi	02/06/2004	Cà Mau		
52	VHU.TAB1.05.489	211A230186	Nguyễn Thụy Tuyết	Nhi	12/03/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
53	VHU.TAB1.05.490	211A300044	Trần Thị Quỳnh	Nhi	27/05/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
54	VHU.TAB1.05.491	211A050027	Võ Thị Tuyết	Nhi	06/04/2003	An Giang		

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
55	VHU.TAB1.05.492	221A031044	Nguyễn Hoàng Xuân	Nhi	19/01/2004	Quảng Ngãi		
56	VHU.TAB1.05.493	221A030112	Trần Nguyễn Yên	Nhi	22/01/2004	Đồng Nai		
57	VHU.TAB1.05.494	211A030543	Huỳnh Nguyễn Thị Yên	Nhi	15/09/2003	Đồng Tháp		
58	VHU.TAB1.05.495	201A010228	Dương Thảo	Nhi	08/10/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
59	VHU.TAB1.05.496	221A040199	Lê Thị Hoài	Nhi	03/08/2004	Đồng Nai		
60	VHU.TAB1.05.497	221A050050	Phan Thị Lệ	Nhi	14/12/2003	Gia Lai		
61	VHU.TAB1.05.498	221A320355	Huỳnh Nguyễn Yên	Nhi	14/10/2003	Đồng Tháp		
62	VHU.TAB1.05.499	221A040346	Nguyễn Thị Quỳnh	Nhi	10/09/2004	Đắk Lắk		
63	VHU.TAB1.05.500	221A050258	Phạm Băng	Nhi	04/08/2004	Khánh Hòa		
64	VHU.TAB1.05.501	221A010276	Đặng Hoàng	Nhi	10/11/2004	Tây Ninh		
65	VHU.TAB1.05.502	221A100152	Nguyễn Huỳnh Yên	Nhi	04/07/2004	Lâm Đồng		
66	VHU.TAB1.05.503	211A030147	Đỗ Hạnh Hoàng	Nhi	13/03/2003	Gia Lai		
67	VHU.TAB1.05.504	211A080242	Ngô Hồng	Nhi	25/04/2003	An Giang		
68	VHU.TAB1.05.505	211A230226	Trần Thúy	Nhi	15/01/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
69	VHU.TAB1.05.506	211A320017	Mai Thị Minh	Nhiên	10/03/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
70	VHU.TAB1.05.507	221A031097	Võ Cao Huỳnh	Như	02/09/2004	Tây Ninh		

Tổng số thí sinh theo danh sách:.....

Số thí sinh dự kiểm tra:.....

Số thí sinh vắng kiểm tra:.....

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KIỂM TRA  
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ**

(Đã ký)

**Nguyễn Thị Thanh Hà**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 05 năm 2026

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 3 (B1 THEO CEFR)  
ĐỢT 05 NĂM 2026**

**(Địa chỉ: HungHau Campus (HEC), Khu chức năng, 13E Đại lộ Nguyễn Văn Linh, xã Bình Hưng, Thành phố Hồ Chí Minh)**

Môn kiểm tra: Tiếng Anh bậc 3 (Tương đương B1 theo CEFR)

Ngày kiểm tra: 31/05/2026

Phòng kiểm tra: B1.PT12

CBCKTr1: .....

Ký tên:.....

Giờ kiểm tra: Sáng 08:00 - 10:00 (Nghe - Đọc - Viết)

CBCKTr2: .....

Ký tên:.....

Chiều 13:30 - 17:30 (Nói)

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
1	VHU.TAB1.05.508	221A080176	Bùi Thị Tâm	Như	02/06/2004	Đồng Tháp		
2	VHU.TAB1.05.509	221A031108	Trương Hoài	Như	12/06/2004	Gia Lai		
3	VHU.TAB1.05.510	221A050051	Huỳnh	Như	16/07/2003	Tây Ninh		
4	VHU.TAB1.05.511	221A040559	Trần Thị Quỳnh	Như	24/02/2004	Tây Ninh		
5	VHU.TAB1.05.512	221A370052	Nguyễn Lê Quỳnh	Như	08/04/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
6	VHU.TAB1.05.513	221A300125	Huỳnh Ngọc	Như	05/02/2004	Gia Lai		
7	VHU.TAB1.05.514	221A230374	Trần Thị Tấn	Như	30/03/2004	Lâm Đồng		
8	VHU.TAB1.05.515	221A230188	Bùi Quỳnh	Như	12/04/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
9	VHU.TAB1.05.516	221A210106	Phan Đặng Quỳnh	Như	07/02/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
10	VHU.TAB1.05.517	221A370569	Trương Ngọc	Như	24/07/2004	An Giang		
11	VHU.TAB1.05.518	211A080105	Đỗ Nguyễn Quỳnh	Như	30/06/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
12	VHU.TAB1.05.519	221A050378	Lê Ngọc Quỳnh	Như	19/01/2004	Tây Ninh		
13	VHU.TAB1.05.520	221A050384	Nguyễn Thị Thảo	Như	02/11/2004	Đồng Tháp		
14	VHU.TAB1.05.521	221A010023	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	14/10/2004	Đồng Tháp		
15	VHU.TAB1.05.522	221A030047	Trần Thới	Như	19/06/2004	Cà Mau		
16	VHU.TAB1.05.523	221A320176	Ngũ Ngọc	Như	08/12/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
17	VHU.TAB1.05.524		Lê Quỳnh	Như	14/12/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
18	VHU.TAB1.05.525	211A070007	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	20/11/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
19	VHU.TAB1.05.526	221A040335	Huỳnh Thị Bé	Nhung	06/11/2004	An Giang		
20	VHU.TAB1.05.527	221A370816	Nguyễn Thị Kim	Nhung	21/03/2004	Lâm Đồng		
21	VHU.TAB1.05.528	221A070296	Nguyễn Cẩm	Nhung	05/05/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
22	VHU.TAB1.05.529	221A370166	Chu Thị Hồng	Nhung	09/01/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
23	VHU.TAB1.05.530	221A100083	Võ Thị Cẩm	Nhung	09/10/2004	Vĩnh Long		

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
24	VHU.TAB1.05.531	211A031523	Tạ Thị Hồng	Nhung	30/03/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
25	VHU.TAB1.05.532	221A030135	Nguyễn Thị Phi	Nhung	30/10/2004	Vĩnh Long		
26	VHU.TAB1.05.533	221A210630	Võ Thị	Nhung	20/09/2004	Đắk Lắk		
27	VHU.TAB1.05.534	221A080207	Nguyễn Nữ Huyền	Ni	01/01/2003	Đắk Lắk		
28	VHU.TAB1.05.535	221A100061	Đặng Như	Ni	19/11/2004	Lâm Đồng		
29	VHU.TAB1.05.536	221A320361	H' Minh	Niê	26/04/2004	Đắk Lắk		
30	VHU.TAB1.05.537	231A100006	Đoàn Ngọc Khang	Ninh	12/02/2005	Thành phố Hồ Chí Minh		
31	VHU.TAB1.05.538	221A100081	Dương Thị Thứ	Nữ	05/06/2004	Thành phố Đà Nẵng		
32	VHU.TAB1.05.539	221A030900	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	29/06/2004	Đồng Nai		
33	VHU.TAB1.05.540	221A070208	Võ Thị Kiều	Oanh	23/07/2004	Lâm Đồng		
34	VHU.TAB1.05.541	221A011028	Nguyễn Tấn	Phát	10/05/2004	Gia Lai		
35	VHU.TAB1.05.542	221A320057	Trần Công	Phát	29/03/2004	Gia Lai		
36	VHU.TAB1.05.543	221A030953	Nguyễn Thành	Phát	28/05/2004	Khánh Hòa		
37	VHU.TAB1.05.544	181A030636	Nguyễn Tăng Hồng	Phát	21/07/2000	Đồng Nai		
38	VHU.TAB1.05.545	211A320056	Trần Hồng	Phát	28/10/2003	Đồng Nai		
39	VHU.TAB1.05.546	221A010116	Cao Thiên	Phát	21/01/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
40	VHU.TAB1.05.547	221A370134	Dương Gia	Phát	28/11/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
41	VHU.TAB1.05.548	191A230010	Lê Trường	Phi	18/07/2001	Thành phố Hồ Chí Minh		
42	VHU.TAB1.05.549	221A210020	Nguyễn Văn	Phi	07/03/2004	Gia Lai		
43	VHU.TAB1.05.550	221A030399	Trương Minh	Phong	13/11/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
44	VHU.TAB1.05.551	221A300244	Nguyễn Bá Hoài Vân	Phong	12/09/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
45	VHU.TAB1.05.552	221A010621	Huỳnh Vĩ	Phong	05/01/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
46	VHU.TAB1.05.553	221A300493	Nguyễn Hồng	Phong	04/01/2001	Thành phố Hồ Chí Minh		
47	VHU.TAB1.05.554	211A031493	Vương Triều	Phong	03/09/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
48	VHU.TAB1.05.555	211A230050	Huỳnh	Phong	03/01/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
49	VHU.TAB1.05.556	211A010314	Mai Văn	Phong	03/01/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
50	VHU.TAB1.05.557	201A010085	Lê Minh	Phú	08/03/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
51	VHU.TAB1.05.558	231A240239	Lưu Hoàng	Phúc	19/02/2002	Tây Ninh		
52	VHU.TAB1.05.559	211A080239	Võ Nguyễn Hồng	Phúc	20/09/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
53	VHU.TAB1.05.560	221A010559	Nguyễn Văn	Phúc	02/12/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
54	VHU.TAB1.05.561	221A370239	Hồ Việt Hoàng	Phúc	19/09/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
55	VHU.TAB1.05.562	221A320250	Lê Quang	Phúc	20/03/2004	Vĩnh Long		
56	VHU.TAB1.05.563	221A370448	Nguyễn Thị Hồng	Phúc	27/04/2004	Đồng Tháp		
57	VHU.TAB1.05.564	221A370299	Trần Dương Gia	Phúc	19/08/2004	Tây Ninh		
58	VHU.TAB1.05.565	211A210240	Cao Minh	Phúc	23/12/2003	Cà Mau		
59	VHU.TAB1.05.566	221A370522	Lê Trần Minh	Phúc	04/01/2004	Đồng Tháp		
60	VHU.TAB1.05.567	221A040486	Cao Tiêu	Phụng	19/06/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
61	VHU.TAB1.05.568	211A100073	Nguyễn Thị Kim	Phụng	02/03/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
62	VHU.TAB1.05.569	221A070209	Trương Hà Mỹ	Phụng	18/12/2004	Lâm Đồng		
63	VHU.TAB1.05.570	201A080073	Phan Thị	Phụng	02/12/2002	Thành phố Cần Thơ		
64	VHU.TAB1.05.571	221A070199	Đỗ Lưu Kim	Phụng	08/05/2004	Đồng Tháp		
65	VHU.TAB1.05.572	221A371010	Nguyễn Văn	Phước	13/11/2004	Tây Ninh		
66	VHU.TAB1.05.573	211A070047	Nguyễn Huỳnh	Phước	28/05/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
67	VHU.TAB1.05.574	221A010520	Mai Thanh	Phước	14/04/2004	Quảng Trị		
68	VHU.TAB1.05.575	211A050345	Nguyễn Hữu	Phước	25/06/2003	Đồng Nai		
69	VHU.TAB1.05.576	231A310205	Nguyễn Thị Trúc	Phương	10/01/2005	Thành phố Hồ Chí Minh		
70	VHU.TAB1.05.577	221A370919	Huỳnh Thị Bảo	Phương	29/03/2004	Khánh Hòa		

Tổng số thí sinh theo danh sách:.....

Số thí sinh dự kiểm tra:.....

Số thí sinh vắng kiểm tra:.....

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KIỂM TRA  
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ**

*(Đã ký)*

**Nguyễn Thị Thanh Hà**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 05 năm 2026

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 3 (B1 THEO CEFR)  
ĐỢT 05 NĂM 2026**

**(Địa chỉ: HungHau Campus (HEC), Khu chức năng, 13E Đại lộ Nguyễn Văn Linh, xã Bình Hưng, Thành phố Hồ Chí Minh)**

Môn kiểm tra: Tiếng Anh bậc 3 (Tương đương B1 theo CEFR)

Ngày kiểm tra: 31/05/2026

Phòng kiểm tra: B1.PT13

CBCKTr1: .....

Ký tên:.....

Giờ kiểm tra: Sáng 08:00 - 10:00 (Nghe - Đọc - Viết)

CBCKTr2: .....

Ký tên:.....

Chiều 13:30 - 15:30 (Nói)

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
1	VHU.TAB1.05.578	231A030183	Nguyễn Thị Ánh	Phương	09/01/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
2	VHU.TAB1.05.579	221A320181	Nguyễn Huỳnh Cát	Phương	15/09/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
3	VHU.TAB1.05.580	231A210269	Trịnh Ngọc Hà	Phương	05/11/2005	Ninh Bình		
4	VHU.TAB1.05.581	221A010797	Đoàn Minh	Phương	12/06/2004	Đồng Nai		
5	VHU.TAB1.05.582	211A310039	Vương Lê Thanh	Phương	13/05/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
6	VHU.TAB1.05.583	221A370762	Trần Hoàng	Phương	31/07/2004	Gia Lai		
7	VHU.TAB1.05.584	211A030812	Nguyễn Thị Minh	Phương	22/03/2003	Thanh Hóa		
8	VHU.TAB1.05.585	221A360011	Nguyễn Minh	Phương	02/06/2004	Đắk Lắk		
9	VHU.TAB1.05.586	221A050690	Nguyễn Phạm Thu	Phương	25/10/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
10	VHU.TAB1.05.587	221A050630	Đình Hồ Kiều	Phương	27/11/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
11	VHU.TAB1.05.588	221A070270	Huỳnh Mỹ	Phương	13/12/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
12	VHU.TAB1.05.589	231A210009	Nguyễn Thanh Mỹ	Phương	04/08/2005	Lâm Đồng		
13	VHU.TAB1.05.590	221A290040	Lê Bảo	Quân	29/07/2004	Đắk Lắk		
14	VHU.TAB1.05.591	221A310107	Nguyễn Anh	Quân	10/07/2004	Khánh Hòa		
15	VHU.TAB1.05.592	211A010152	Hoàng Văn	Quân	02/07/2003	Thanh Hóa		
16	VHU.TAB1.05.593	221A040378	Nguyễn Thị Hồng	Quân	12/05/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
17	VHU.TAB1.05.594	221A370499	Nguyễn Đức Minh	Quân	22/05/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
18	VHU.TAB1.05.595	221A050281	Huỳnh Lý	Quốc	27/05/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
19	VHU.TAB1.05.596	211A040017	Đặng Khắc	Quy	20/10/2003	Khánh Hòa		
20	VHU.TAB1.05.597	221A370820	Lê Hoàng	Quý	19/11/2004	Khánh Hòa		

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
21	VHU.TAB1.05.598	221A371043	Trần Chánh Phú	Quý	26/01/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
22	VHU.TAB1.05.599	221A070215	Huỳnh Ngọc	Quý	13/04/2004	An Giang		
23	VHU.TAB1.05.600	221A040372	Trần Lê Hà	Quyên	02/05/2004	Đắk Lắk		
24	VHU.TAB1.05.601	221A050119	Đoàn Trần Trúc	Quyên	09/12/2004	Gia Lai		
25	VHU.TAB1.05.602	201A210073	Lang Ngọc	Quyên	11/10/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
26	VHU.TAB1.05.603	231A370229	Nguyễn Thị Hồng	Quyên	12/08/2005	Thành phố Hồ Chí Minh		
27	VHU.TAB1.05.604	221A050394	Nguyễn Thị Ái	Quyên	19/10/2004	Gia Lai		
28	VHU.TAB1.05.605	221A050323	Nguyễn Thị Tuyết	Quyên	10/02/2004	An Giang		
29	VHU.TAB1.05.606	221A300324	Phan Thị Tố	Quyên	27/03/2004	An Giang		
30	VHU.TAB1.05.607	211A210241	Đỗ	Quyên	18/02/2003	Vĩnh Long		
31	VHU.TAB1.05.608	221A230486	Bùi Thu	Quyên	19/09/2004	Tây Ninh		
32	VHU.TAB1.05.609	221A370425	Trần Thị	Quyên	02/07/2004	Gia Lai		
33	VHU.TAB1.05.610	221A050002	Bùi Thị Ngọc	Quyên	12/02/2003	Thành phố Cần Thơ		
34	VHU.TAB1.05.611	221A040047	Nguyễn Thị Lệ	Quyên	05/12/2003	Đắk Lắk		
35	VHU.TAB1.05.612	211A040105	Nguyễn Đặng Mỹ	Quyên	07/02/2003	Đồng Tháp		
36	VHU.TAB1.05.613	221A230252	Nguyễn Đặng Như	Quỳnh	02/06/2004	Gia Lai		
37	VHU.TAB1.05.614	221A370502	Nguyễn Thị Diễm	Quỳnh	29/02/2004	Đắk Lắk		
38	VHU.TAB1.05.615	231A080125	Trần Trúc	Quỳnh	30/05/2005	Đồng Tháp		
39	VHU.TAB1.05.616	221A030153	Dương Mỹ Ngọc	Quỳnh	14/10/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
40	VHU.TAB1.05.617	221A050089	Huỳnh Thị Hoa	Quỳnh	26/03/2004	Quảng Ngãi		
41	VHU.TAB1.05.618	221A230563	Tô Nguyên Thái	Quỳnh	11/04/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
42	VHU.TAB1.05.619	221A020032	Đặng Như	Quỳnh	16/10/2004	Khánh Hòa		
43	VHU.TAB1.05.620	221A370287	Lê Nguyễn Như	Quỳnh	03/05/2004	Khánh Hòa		
44	VHU.TAB1.05.621	221A030735	Trần Thị Như	Quỳnh	11/11/2004	Tây Ninh		
45	VHU.TAB1.05.622	221A080067	Nguyễn Thị Nhựt	Quỳnh	02/03/2004	An Giang		
46	VHU.TAB1.05.623	211A110007	Nguyễn Ngọc	Quỳnh	21/01/2003	Tây Ninh		

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
47	VHU.TAB1.05.624	221A050376	Nguyễn Thị Hồng	Sâm	19/09/2004	Đồng Nai		
48	VHU.TAB1.05.625	211A031349	Lê Chí	Sang	14/03/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
49	VHU.TAB1.05.626	221A080029	Trần Kim	Sang	06/10/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
50	VHU.TAB1.05.627	211A170194	Huỳnh Văn	Sĩ	19/02/2003	Tây Ninh		
51	VHU.TAB1.05.628	221A230276	Nguyễn Thị Thu	Sở	02/11/2004	Gia Lai		
52	VHU.TAB1.05.629	241A110184	Nguyễn Văn	Sơn	28/04/2006	Ninh Bình		
53	VHU.TAB1.05.630	221A370661	Trần Lê Thái	Sơn	08/11/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
54	VHU.TAB1.05.631	191A070046	Nguyễn Ngọc	Sơn	13/04/2001	Đồng Tháp		
55	VHU.TAB1.05.632	221A300374	La Hoàng	Sơn	08/09/2004	An Giang		
56	VHU.TAB1.05.633	221A210726	Huỳnh Thái	Sơn	03/05/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
57	VHU.TAB1.05.634	231A210998	Lê Thị Thu	Sương	16/09/2005	Khánh Hòa		
58	VHU.TAB1.05.635	221A020001	Dương Thi	Sỹ	06/02/2004	Đắk Lắk		
59	VHU.TAB1.05.636	221A230548	Nguyễn Minh	Tài	27/04/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
60	VHU.TAB1.05.637	221A050738	Nguyễn Tấn	Tài	03/02/2004	Đồng Nai		

Tổng số thí sinh theo danh sách:.....

Số thí sinh dự kiểm tra:.....

Số thí sinh vắng kiểm tra:.....

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KIỂM TRA  
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ**

(Đã ký)

**Nguyễn Thị Thanh Hà**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 05 năm 2026

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 3 (B1 THEO CEFR)  
ĐỢT 05 NĂM 2026**

**(Địa chỉ: HungHau Campus (HEC), Khu chức năng, 13E Đại lộ Nguyễn Văn Linh, xã Bình Hưng, Thành phố Hồ Chí Minh)**

Môn kiểm tra: Tiếng Anh bậc 3 (Tương đương B1 theo CEFR)

Ngày kiểm tra: 31/05/2026

Phòng kiểm tra: B1.PT14

CBCKTr1: .....

Ký tên:.....

Giờ kiểm tra: Sáng 08:00 - 10:00 (Nghe - Đọc - Viết)

CBCKTr2: .....

Ký tên:.....

Chiều 15:30 - 17:30 (Nói)

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
1	VHU.TAB1.05.638	221A370233	Nguyễn Thành	Tài	27/09/2004	Đắk Lắk		
2	VHU.TAB1.05.639	201A230080	Nguyễn Trí	Tài	12/02/2001	Thành phố Hồ Chí Minh		
3	VHU.TAB1.05.640	231A040398	Trần Phạm Băng	Tâm	18/12/2005	Đồng Nai		
4	VHU.TAB1.05.641	221A080273	Nguyễn Thị Băng	Tâm	22/10/2004	Tây Ninh		
5	VHU.TAB1.05.642	221A080118	Nguyễn Thị Mỹ	Tâm	22/08/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
6	VHU.TAB1.05.643	221A030707	Trần Thị Thanh	Tâm	26/05/2004	Thành phố Đà Nẵng		
7	VHU.TAB1.05.644	211A110041	Hồ Đặng Mỹ	Tâm	03/08/2003	Tây Ninh		
8	VHU.TAB1.05.645	221A040677	Nguyễn Minh	Tân	05/07/2004	Đồng Tháp		
9	VHU.TAB1.05.646	221A031060	Nguyễn Trọng	Tấn	12/10/2004	Gia Lai		
10	VHU.TAB1.05.647	181A010039	Hà Khang	Thạch	10/10/2000	Thành phố Hồ Chí Minh		
11	VHU.TAB1.05.648	211A080003	Trần Nguyễn Gia	Thái	10/06/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
12	VHU.TAB1.05.649	201A210051	Cao Thị Kim	Thắm	13/02/2002	Gia Lai		
13	VHU.TAB1.05.650	211A310028	Thái Thị Hồng	Thắm	03/06/2003	Đồng Nai		
14	VHU.TAB1.05.651	221A090032	Đặng Hồng	Thắm	28/07/2002	Tây Ninh		
15	VHU.TAB1.05.652	221A370912	Nguyễn Chí	Thân	02/02/2004	Đắk Lắk		
16	VHU.TAB1.05.653	221A080396	Nguyễn Quách Quốc	Thắng	04/08/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
17	VHU.TAB1.05.654	221A210591	Phan Đức	Thắng	06/08/2004	Vĩnh Long		
18	VHU.TAB1.05.655	201A030027	Đoàn Quốc	Thắng	26/09/1999	Vĩnh Long		
19	VHU.TAB1.05.656	221A371097	Võ Quang	Thắng	21/07/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
20	VHU.TAB1.05.657	231A360067	Nguyễn Lan	Thanh	31/10/2005	Vĩnh Long		
21	VHU.TAB1.05.658	221A010713	Bùi Ngọc	Thanh	01/01/2004	An Giang		
22	VHU.TAB1.05.659	221A080265	Nguyễn Quế	Thanh	18/09/2003	Vĩnh Long		
23	VHU.TAB1.05.660	221A310195	Phạm Võ Trúc	Thanh	03/11/2004	Đồng Nai		

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
24	VHU.TAB1.05.661	221A030966	Tạ Nguyệt	Thanh	26/03/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
25	VHU.TAB1.05.662	221A240083	Nguyễn Vũ Minh	Thanh	18/05/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
26	VHU.TAB1.05.663	221A030564	Mai Văn Ngọc	Thanh	14/11/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
27	VHU.TAB1.05.664	221A040045	Phan Ngọc Như	Thanh	22/01/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
28	VHU.TAB1.05.665	211A010055	Tiêu Vĩnh	Thành	11/06/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
29	VHU.TAB1.05.666	221A040075	Nguyễn Tấn	Thành	15/03/2004	Vĩnh Long		
30	VHU.TAB1.05.667	211A300120	Ngô Lê Trung	Thành	03/11/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		

Tổng số thí sinh theo danh sách:.....

Số thí sinh dự kiểm tra:.....

Số thí sinh vắng kiểm tra:.....

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KIỂM TRA  
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ**

*(Đã ký)*

**Nguyễn Thị Thanh Hà**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 05 năm 2026

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 3 (B1 THEO CEFR)  
ĐỢT 05 NĂM 2026**

**(Địa chỉ: HungHau Campus (HEC), Khu chức năng, 13E Đại lộ Nguyễn Văn Linh, xã Bình Hưng, Thành phố Hồ Chí Minh)**

Môn kiểm tra: Tiếng Anh bậc 3 (Tương đương B1 theo CEFR)

Ngày kiểm tra: 31/05/2026

Phòng kiểm tra: B1.PT15

CBCKTr1: .....

Ký tên:.....

Giờ kiểm tra: Sáng 08:00 - 10:00 (Nghe - Đọc - Viết)

CBCKTr2: .....

Ký tên:.....

Chiều 13:30 - 15:30 (Nói)

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
1	VHU.TAB1.05.668	221A320045	Nguyễn Chí	Thành	26/01/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
2	VHU.TAB1.05.669	211A031310	Ngô Nguyễn Thái	Thành	10/12/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
3	VHU.TAB1.05.670	211A030303	Quách Long	Thành	21/04/2003	An Giang		
4	VHU.TAB1.05.671	221A371145	Phạm Thị Thu	Thảo	20/08/2004	Gia Lai		
5	VHU.TAB1.05.672	221A210481	Trần Phạm Thanh	Thảo	13/08/2004	Lâm Đồng		
6	VHU.TAB1.05.673	221A040520	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	15/12/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
7	VHU.TAB1.05.674	221A040471	Lê Thu	Thảo	18/12/2003	Lâm Đồng		
8	VHU.TAB1.05.675	221A320346	Trần Mai Phương	Thảo	17/05/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
9	VHU.TAB1.05.676	221A030569	Võ Thị Thanh	Thảo	01/11/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
10	VHU.TAB1.05.677	221A030685	Nguyễn Thị Ngọc	Thảo	12/06/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
11	VHU.TAB1.05.678	201A140305	Trần Huỳnh Như	Thảo	16/05/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
12	VHU.TAB1.05.679	221A050327	Nguyễn Thu	Thảo	04/07/2004	An Giang		
13	VHU.TAB1.05.680	221A370035	Lý Thị Thanh	Thảo	03/01/2004	Tây Ninh		
14	VHU.TAB1.05.681	221A070332	Ngô Thị Ngọc	Thảo	06/12/2004	Đắk Lắk		
15	VHU.TAB1.05.682	221A230064	Đặng Thị Bích	Thảo	15/03/2004	Vĩnh Long		
16	VHU.TAB1.05.683	221A300078	Bùi Đình Nhật	Thảo	17/04/2004	Đắk Lắk		
17	VHU.TAB1.05.684	221A040552	Đoàn Thị Thanh	Thảo	25/10/2004	Tây Ninh		
18	VHU.TAB1.05.685	221A370949	Lê Thanh	Thảo	24/06/2004	Khánh Hòa		
19	VHU.TAB1.05.686	211A040089	Mai Thanh	Thảo	07/08/2003	Tây Ninh		
20	VHU.TAB1.05.687	211A070092	Nguyễn Thị Thu	Thảo	20/08/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
21	VHU.TAB1.05.688	221A030737	Dương Thị Thanh	Thảo	04/11/2004	Tây Ninh		
22	VHU.TAB1.05.689	221A230110	Hồ Thanh	Thật	02/10/2004	Khánh Hòa		
23	VHU.TAB1.05.690	221A270031	Nguyễn Thị Yến	Thi	03/01/2004	Đồng Tháp		

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
24	VHU.TAB1.05.691	221A210618	Đặng Thuỳ	Thi	08/08/2004	Gia Lai		
25	VHU.TAB1.05.692	221A210248	Bùi Thị Hoài	Thi	15/09/2004	Khánh Hòa		
26	VHU.TAB1.05.693	201A270029	Nguyễn Đình	Thi	23/03/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
27	VHU.TAB1.05.694	221A210472	Đặng Thị Giang	Thiên	22/04/2004	Đắk Lắk		
28	VHU.TAB1.05.695	221A230139	Huỳnh Quang	Thiên	29/09/2003	Đồng Nai		
29	VHU.TAB1.05.696	211A040095	Nguyễn Tường	Thiện	19/05/2003	Gia Lai		
30	VHU.TAB1.05.697	221A100082	Trần Huệ	Thiện	19/07/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
31	VHU.TAB1.05.698	221A010137	Dương Chí	Thiện	09/05/2004	An Giang		
32	VHU.TAB1.05.699	221A011049	Nguyễn Thanh	Thiện	11/16/2004	An Giang		
33	VHU.TAB1.05.700	211A010400	Trần Đức	Thịnh	24/02/2003	An Giang		
34	VHU.TAB1.05.701	221A070228	Phạm Ngọc Nhã	Thơ	22/05/2004	Đồng Tháp		
35	VHU.TAB1.05.702	211A300083	Trần Văn	Thọ	22/11/2003	Khánh Hòa		
36	VHU.TAB1.05.703	221A031083	Hồ Thị Cẩm	Thoa	04/03/2004	Gia Lai		
37	VHU.TAB1.05.704	221A370273	Bùi Kim	Thoa	25/01/2004	Đắk Lắk		
38	VHU.TAB1.05.705	221A030497	Lê Thị Kim	Thoại	18/02/2004	Đồng Tháp		
39	VHU.TAB1.05.706	191A030470	Nguyễn Hữu	Thời	02/04/2000	Lâm Đồng		
40	VHU.TAB1.05.707	201A010104	Phạm Hoàng	Thông	11/10/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
41	VHU.TAB1.05.708	201A210082	Lê Văn	Thông	08/03/2002	Khánh Hòa		
42	VHU.TAB1.05.709	221A040164	Nguyễn Quốc	Thông	02/06/2004	Tây Ninh		
43	VHU.TAB1.05.710	221A320091	Huỳnh Thị Minh	Thư	11/09/2004	Đồng Nai		
44	VHU.TAB1.05.711	221A320366	Huỳnh Hạnh	Thư	02/01/2004	Đồng Tháp		
45	VHU.TAB1.05.712	221A080130	Chu Minh	Thư	23/02/2004	Đồng Tháp		

Tổng số thí sinh theo danh sách:.....

Số thí sinh dự kiểm tra:.....

Số thí sinh vắng kiểm tra:.....

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KIỂM TRA  
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ**

(Đã ký)

**Nguyễn Thị Thanh Hà**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 05 năm 2026

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 3 (B1 THEO CEFR)  
ĐỢT 05 NĂM 2026**

**(Địa chỉ: HungHau Campus (HEC), Khu chức năng, 13E Đại lộ Nguyễn Văn Linh, xã Bình Hưng, Thành phố Hồ Chí Minh)**

Môn kiểm tra: Tiếng Anh bậc 3 (Tương đương B1 theo CEFR)

Ngày kiểm tra: 31/05/2026

Phòng kiểm tra: B1.PT16

CBCKTr1: .....

Ký tên:.....

Giờ kiểm tra: Sáng 08:00 - 10:00 (Nghe - Đọc - Viết)

CBCKTr2: .....

Ký tên:.....

Chiều 15:30 - 17:30 (Nói)

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
1	VHU.TAB1.05.713	231A040393	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	20/05/2005	Đồng Tháp		
2	VHU.TAB1.05.714	221A230189	Đặng Thị Minh	Thư	04/08/2004	Khánh Hòa		
3	VHU.TAB1.05.715	221A230129	Nguyễn Anh	Thư	09/05/2004	Vĩnh Long		
4	VHU.TAB1.05.716	221A040076	Nguyễn Thị Kim	Thư	11/02/2004	Đồng Nai		
5	VHU.TAB1.05.717	221A100011	Hồ Nguyệt Đoan	Thư	07/05/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
6	VHU.TAB1.05.718	221A370263	Đoàn Thị Anh	Thư	05/12/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
7	VHU.TAB1.05.719	221A050687	Hồ Thị Anh	Thư	04/04/2004	Đắk Lắk		
8	VHU.TAB1.05.720	221A040081	Nguyễn Ngọc Minh	Thư	07/09/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
9	VHU.TAB1.05.721	221A100029	Kiều Anh	Thư	21/09/2004	Vĩnh Long		
10	VHU.TAB1.05.722	221A370598	Huỳnh Nguyễn Minh	Thư	29/09/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
11	VHU.TAB1.05.723	221A210250	Nguyễn Thị Minh	Thư	20/01/2004	Đồng Tháp		
12	VHU.TAB1.05.724	231A360379	Nguyễn Hoài Anh	Thư	18/05/2005	Thành phố Hồ Chí Minh		
13	VHU.TAB1.05.725	221A050076	Võ Nguyễn Minh	Thư	29/09/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
14	VHU.TAB1.05.726	221A040463	Nguyễn Thị Anh	Thư	12/09/2004	Đồng Nai		
15	VHU.TAB1.05.727	221A370782	Lê Ngô Anh	Thư	11/04/2004	Khánh Hòa		
16	VHU.TAB1.05.728	211A090010	Lại Hoàng Minh	Thư	15/09/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
17	VHU.TAB1.05.729	221A310083	Bùi Thị Minh	Thư	01/05/2004	Tây Ninh		
18	VHU.TAB1.05.730	221A370723	Lê Ngọc Minh	Thư	26/09/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
19	VHU.TAB1.05.731	221A040296	Lương Thị Thanh	Thư	05/08/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
20	VHU.TAB1.05.732	221A230208	Đỗ Minh	Thư	02/12/2004	Đồng Nai		
21	VHU.TAB1.05.733	211A320104	Bùi Thị Anh	Thư	10/01/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
22	VHU.TAB1.05.734	181A030677	Lê Ngọc Minh	Thư	19/11/2000	Tây Ninh		
23	VHU.TAB1.05.735	221A210138	Nguyễn Trường Nhật	Thuận	03/05/2004	Tây Ninh		

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
24	VHU.TAB1.05.736	231A360098	Nguyễn Thanh	Thuận	17/02/2005	Thành phố Hồ Chí Minh		
25	VHU.TAB1.05.737	211A030940	Trần Thanh	Thuận	28/08/2002	Quảng Ngãi		
26	VHU.TAB1.05.738	221A020011	Trần Trí	Thức	06/06/2004	Đồng Nai		
27	VHU.TAB1.05.739	221A310211	Trần Hồng	Thương	13/07/2004	Khánh Hòa		
28	VHU.TAB1.05.740	211A030588	Lê Thị Thanh	Thương	24/04/2003	Đắk Lắk		
29	VHU.TAB1.05.741	211A040054	Lê Thị Hoài	Thương	28/05/2003	Lâm Đồng		
30	VHU.TAB1.05.742	221A300169	Trần Quốc Hoài	Thương	12/11/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
31	VHU.TAB1.05.743	221A040466	Nguyễn Xuân	Thương	03/03/2004	Khánh Hòa		
32	VHU.TAB1.05.744	221A100070	Phạm Thị Minh	Thương	23/10/2004	Đắk Lắk		
33	VHU.TAB1.05.745	221A040293	Lê Hoài	Thương	04/02/2004	Tây Ninh		
34	VHU.TAB1.05.746	231A070002	Phạm Phan Văn	Thường	06/03/2005	Lâm Đồng		
35	VHU.TAB1.05.747	221A030636	Phạm Văn	Thường	29/10/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		

Tổng số thí sinh theo danh sách:.....

Số thí sinh dự kiểm tra:.....

Số thí sinh vắng kiểm tra:.....

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KIỂM TRA  
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ**

*(Đã ký)*

**Nguyễn Thị Thanh Hà**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 05 năm 2026

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 3 (B1 THEO CEFR)  
ĐỢT 05 NĂM 2026**

**(Địa chỉ: HungHau Campus (HEC), Khu chức năng, 13E Đại lộ Nguyễn Văn Linh, xã Bình Hưng, Thành phố Hồ Chí Minh)**

Môn kiểm tra: Tiếng Anh bậc 3 (Tương đương B1 theo CEFR)

Ngày kiểm tra: 31/05/2026

Phòng kiểm tra: B1.PT17

CBCKTr1: .....

Ký tên:.....

Giờ kiểm tra: Sáng 08:00 - 10:00 (Nói)

CBCKTr2: .....

Ký tên:.....

Chiều 13:30 - 15:30 (Nghe - Đọc - Viết)

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
1	VHU.TAB1.05.748	211A080059	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	01/01/2003	Quảng Ngãi		
2	VHU.TAB1.05.749	221A230419	Phan Thị Lệ	Thùy	15/06/2004	Gia Lai		
3	VHU.TAB1.05.750	221A360045	Trương Ngọc	Thụy	13/12/2004	Khánh Hòa		
4	VHU.TAB1.05.751	221A040366	H	Thuyên	10/08/2004	Lâm Đồng		
5	VHU.TAB1.05.752	221A070154	Lê Huỳnh Anh	Thy	01/08/2004	Đồng Tháp		
6	VHU.TAB1.05.753	221A310010	Trịnh Mai	Thy	24/07/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
7	VHU.TAB1.05.754	221A180026	Phạm Thuý	Tiên	03/09/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
8	VHU.TAB1.05.755	221A140397	Trương Mỹ	Tiên	10/02/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
9	VHU.TAB1.05.756	221A030952	Đào Thị Mỹ	Tiên	15/01/2004	Vĩnh Long		
10	VHU.TAB1.05.757	221A050391	Phạm Thị Kiều	Tiên	09/03/2004	Tây Ninh		
11	VHU.TAB1.05.758	221A040196	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	19/03/2004	Vĩnh Long		
12	VHU.TAB1.05.759	231A211047	Đinh Thị Cẩm	Tiên	15/07/2005	Thành phố Cần Thơ		
13	VHU.TAB1.05.760	221A050183	Trần Thuý	Tiên	02/12/2004	Đồng Nai		
14	VHU.TAB1.05.761	221A210575	Cao Thị Thủy	Tiên	27/02/2004	Gia Lai		
15	VHU.TAB1.05.762	221A030185	Trần Thị Cẩm	Tiên	04/09/2004	Vĩnh Long		
16	VHU.TAB1.05.763	221A050017	Huỳnh Thị Thảo	Tiên	05/02/2004	Tây Ninh		
17	VHU.TAB1.05.764	211A300096	Nguyễn Thị Mỹ	Tiên	20/02/2003	Cà Mau		
18	VHU.TAB1.05.765	221A030830	Nhật Minh	Tiến	30/06/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
19	VHU.TAB1.05.766	211A010072	Bùi Trung	Tiến	13/04/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
20	VHU.TAB1.05.767	181A010249	Đỗ Quốc	Tiến	18/09/2000	Thành phố Hồ Chí Minh		
21	VHU.TAB1.05.768	221A270009	Nguyễn Như	Tiếp	24/12/2004	Cà Mau		
22	VHU.TAB1.05.769	211A030715	Thái Trung	Tính	19/07/2003	An Giang		
23	VHU.TAB1.05.770	221A370413	Trần Hữu	Tinh	02/03/2004	Đồng Nai		

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
24	VHU.TAB1.05.771	221A080051	Luru Thế	Toàn	22/03/2004	Đồng Tháp		
25	VHU.TAB1.05.772	221A050578	Nguyễn Minh	Toàn	17/06/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
26	VHU.TAB1.05.773	201A010157	Trần Minh	Toàn	20/09/2002	Lâm Đồng		
27	VHU.TAB1.05.774	221A050610	Nguyễn Thị Hoa	Trâm	26/04/2004	Lâm Đồng		
28	VHU.TAB1.05.775	221A320110	Phan Thị Bích	Trâm	15/02/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
29	VHU.TAB1.05.776	201A040101	Nguyễn Hoàng Ngọc	Trâm	12/08/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
30	VHU.TAB1.05.777	231A310070	Nguyễn Mai	Trâm	09/09/2005	Tây Ninh		
31	VHU.TAB1.05.778	221A040177	Lương Nguyễn Ngọc	Trâm	24/08/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
32	VHU.TAB1.05.779	221A370728	Trần Ngọc Huyền	Trâm	08/01/2004	Khánh Hòa		
33	VHU.TAB1.05.780	221A230102	Nguyễn Thị Bích	Trâm	26/04/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
34	VHU.TAB1.05.781	221A300420	Huỳnh Thị Mỹ	Trâm	20/04/2004	Đắk Lắk		
35	VHU.TAB1.05.782	241A050096	Lê Ngọc	Trâm	21/11/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
36	VHU.TAB1.05.783	221A050131	Ngô Dương Bích	Trâm	09/08/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
37	VHU.TAB1.05.784	221A230152	Trịnh Hoàng Bảo	Trâm	07/05/2004	Lâm Đồng		
38	VHU.TAB1.05.785	211A010084	Lê Thị Hồng	Trâm	16/09/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
39	VHU.TAB1.05.786	211A040066	Đặng Thị Bích	Trâm	22/06/2003	Tây Ninh		
40	VHU.TAB1.05.787	221A370925	Phan Minh Quỳnh	Trâm	04/08/2004	Lâm Đồng		
41	VHU.TAB1.05.788	221A370620	Trần Đào Bảo	Trâm	17/04/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
42	VHU.TAB1.05.789	221A370627	Nguyễn Trần Ngọc	Trâm	06/11/2004	Tây Ninh		
43	VHU.TAB1.05.790	221A270034	Phạm Nguyễn Bảo	Trâm	07/09/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
44	VHU.TAB1.05.791	221A070170	Phan Thị Ngọc	Trâm	03/08/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
45	VHU.TAB1.05.792	221A270121	Hồ Bảo	Trâm	04/09/2004	Đồng Tháp		

Tổng số thí sinh theo danh sách:.....

Số thí sinh dự kiểm tra:.....

Số thí sinh vắng kiểm tra:.....

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KIỂM TRA  
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ**

(Đã ký)

**Nguyễn Thị Thanh Hà**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 05 năm 2026

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 3 (B1 THEO CEFR)  
ĐỢT 05 NĂM 2026**

**(Địa chỉ: HungHau Campus (HEC), Khu chức năng, 13E Đại lộ Nguyễn Văn Linh, xã Bình Hưng, Thành phố Hồ Chí Minh)**

Môn kiểm tra: Tiếng Anh bậc 3 (Tương đương B1 theo CEFR)

Ngày kiểm tra: 31/05/2026

Phòng kiểm tra: B1.PT18

CBCKTr1: .....

Ký tên:.....

Giờ kiểm tra: Sáng 10:00 - 12:00 (Nói)

CBCKTr2: .....

Ký tên:.....

Chiều 13:30 - 15:30 (Nghe - Đọc - Viết)

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
1	VHU.TAB1.05.793	221A040519	Nguyễn Ái	Trân	20/07/2004	Cà Mau		
2	VHU.TAB1.05.794	221A040102	Nguyễn Thị Yến	Trân	31/12/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
3	VHU.TAB1.05.795	221A040179	Nguyễn Ngọc Huỳnh	Trân	04/09/2004	Tây Ninh		
4	VHU.TAB1.05.796	221A030389	Huỳnh Ngọc	Trân	17/12/2004	Đồng Tháp		
5	VHU.TAB1.05.797	221A050253	Nguyễn Trần Huyền	Trân	30/11/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
6	VHU.TAB1.05.798	211A080217	Nguyễn Mỹ Thu	Trân	14/01/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
7	VHU.TAB1.05.799	221A030427	Dương Thị Bích	Trân	23/07/2004	Đồng Tháp		
8	VHU.TAB1.05.800	221A310042	Thái Bảo	Trân	12/05/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
9	VHU.TAB1.05.801	221A030313	Lê Huỳnh Ngọc	Trân	12/09/2004	Đồng Tháp		
10	VHU.TAB1.05.802	221A030461	Nguyễn Hoàng Ngọc	Trân	25/04/2004	Đồng Nai		
11	VHU.TAB1.05.803	211A150055	Nguyễn Thị Huyền	Trân	17/07/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
12	VHU.TAB1.05.804	221A320019	Nguyễn Thị Huyền	Trân	04/08/2004	Đồng Tháp		
13	VHU.TAB1.05.805	221A371166	Bùi Lương Diệu	Trân	19/01/2003	Tây Ninh		
14	VHU.TAB1.05.806	211A050168	Nguyễn Ngọc Bảo	Trân	08/09/2003	Đồng Tháp		
15	VHU.TAB1.05.807	221A230041	Ngô Phương	Trang	14/01/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
16	VHU.TAB1.05.808	221A050144	Nguyễn Thuỳ	Trang	29/01/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
17	VHU.TAB1.05.809	221A370437	Phạm Lê Thuỳ	Trang	09/11/2004	Gia Lai		
18	VHU.TAB1.05.810	221A190002	Nguyễn Lý Huỳnh	Trang	22/09/2004	Lâm Đồng		
19	VHU.TAB1.05.811	221A320065	Tống Thị Thuỳ	Trang	27/12/2004	Đắk Lắk		
20	VHU.TAB1.05.812	221A040168	Nguyễn Thị Huỳnh	Trang	18/12/2004	Đồng Tháp		
21	VHU.TAB1.05.813	221A360110	Huỳnh Thị Thu	Trang	26/05/2004	Gia Lai		
22	VHU.TAB1.05.814	221A230569	Lê Thị	Trang	02/01/2004	Thanh Hóa		
23	VHU.TAB1.05.815	231A031112	Lê Thị Kiều	Trang	21/03/2005	An Giang		

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
24	VHU.TAB1.05.816	221A040198	Đình Thị Thuỳ	Trang	01/10/2003	Tây Ninh		
25	VHU.TAB1.05.817	221A210525	Phạm Ngọc Đoan	Trang	27/06/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
26	VHU.TAB1.05.818	221A320156	Phạm Thị Thu	Trang	03/06/2004	Thanh Hóa		
27	VHU.TAB1.05.819	221A210203	Nguyễn Ngọc Yến	Trang	05/05/2004	Khánh Hòa		
28	VHU.TAB1.05.820	211A030880	Đỗ Thị Thuỳ	Trang	28/06/2003	Ninh Bình		
29	VHU.TAB1.05.821	221A080196	Trần Thị Huyền	Trang	13/07/2004	An Giang		
30	VHU.TAB1.05.822	221A370103	Nguyễn Văn Minh	Trí	15/01/2004	Vĩnh Long		

Tổng số thí sinh theo danh sách:.....

Số thí sinh dự kiểm tra:.....

Số thí sinh vắng kiểm tra:.....

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KIỂM TRA  
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ**

(Đã ký)

**Nguyễn Thị Thanh Hà**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 05 năm 2026

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 3 (B1 THEO CEFR)  
ĐỢT 05 NĂM 2026**

**(Địa chỉ: HungHau Campus (HEC), Khu chức năng, 13E Đại lộ Nguyễn Văn Linh, xã Bình Hưng, Thành phố Hồ Chí Minh)**

Môn kiểm tra: Tiếng Anh bậc 3 (Tương đương B1 theo CEFR)

Ngày kiểm tra: 31/05/2026

Phòng kiểm tra: B1.PT19

CBCKTr1: .....

Ký tên:.....

Giờ kiểm tra: Sáng 08:00 - 10:00 (Nói)

CBCKTr2: .....

Ký tên:.....

Chiều 13:30 - 15:30 (Nghe - Đọc - Viết)

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
1	VHU.TAB1.05.823	221A030902	Hoàng Anh	Trí	28/01/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
2	VHU.TAB1.05.824	211A030080	Phan Minh	Trí	06/10/2003	Đồng Tháp		
3	VHU.TAB1.05.825	211A310042	Trần Quang	Triệu	08/10/2003	Lâm Đồng		
4	VHU.TAB1.05.826	211A050052	Nguyễn Dương Việt	Trinh	09/07/2003	Tây Ninh		
5	VHU.TAB1.05.827	221A030634	Ngô Thị Thu	Trinh	30/09/2004	Gia Lai		
6	VHU.TAB1.05.828	221A030534	Hồ Tú	Trinh	29/06/2004	Lâm Đồng		
7	VHU.TAB1.05.829	221A070035	Đỗ Thị Ngọc	Trinh	22/08/2004	Tây Ninh		
8	VHU.TAB1.05.830	211A100093	Phan Thị Đan	Trinh	18/01/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
9	VHU.TAB1.05.831	211A031261	Nguyễn Thị Mỹ	Trinh	15/09/2003	Tây Ninh		
10	VHU.TAB1.05.832	221A040698	Nguyễn Thị	Trinh	26/11/2004	Gia Lai		
11	VHU.TAB1.05.833	221A040379	Trần Thị Tuyết	Trinh	05/07/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
12	VHU.TAB1.05.834	231A320397	Nguyễn Ngọc Tú	Trinh	07/02/2005	Đồng Nai		
13	VHU.TAB1.05.835	221A011202	Trần Bình	Trọng	02/05/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
14	VHU.TAB1.05.836	221A030019	Trần Kim	Trọng	31/03/2004	An Giang		
15	VHU.TAB1.05.837	221A371089	Huỳnh Thị Kim	Trúc	18/06/2004	Đắk Lắk		
16	VHU.TAB1.05.838	221A010724	Nguyễn Hồ Ngọc	Trúc	01/08/2004	Đồng Tháp		
17	VHU.TAB1.05.839	221A210496	Từ Thị Thanh	Trúc	13/03/2004	Tây Ninh		
18	VHU.TAB1.05.840	211A240012	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	09/11/2003	Khánh Hòa		
19	VHU.TAB1.05.841	221A370838	Đào Thị Thanh	Trúc	14/05/2004	Gia Lai		
20	VHU.TAB1.05.842	231A320390	Nguyễn Quốc Thanh	Trúc	09/08/2005	Vĩnh Long		
21	VHU.TAB1.05.843	221A030073	Trần Thị Thanh	Trúc	01/11/2004	Gia Lai		
22	VHU.TAB1.05.844	221A150071	Nguyễn Thành	Trung	05/01/2004	Cà Mau		
23	VHU.TAB1.05.845	241A010271	Nguyễn Huỳnh Quốc	Trung	10/08/2006	Đồng Tháp		

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
24	VHU.TAB1.05.846	221A031118	Nguyễn Lê Bảo	Trung	28/09/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
25	VHU.TAB1.05.847	221A011025	Phan Văn Thành	Trung	15/09/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
26	VHU.TAB1.05.848	201A010101	Trương Chí	Trung	14/08/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
27	VHU.TAB1.05.849	221A360107	Nguyễn Nhật	Trường	22/08/2004	Tây Ninh		
28	VHU.TAB1.05.850	221A320227	Lê Cẩm	Tú	28/11/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
29	VHU.TAB1.05.851	201A010148	Hồ Đình	Tú	03/11/2002	Nghệ An		
30	VHU.TAB1.05.852	211A030603	Hồ Nguyễn Thanh	Tú	15/08/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
31	VHU.TAB1.05.853	211A270013	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	15/01/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
32	VHU.TAB1.05.854	181A010220	Nguyễn Anh	Tuấn	22/12/2000	Ninh Bình		
33	VHU.TAB1.05.855	231A270083	Đặng Như Anh	Tuấn	30/01/2005	Khánh Hòa		
34	VHU.TAB1.05.856	211A070102	Trần Anh	Tuấn	27/06/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
35	VHU.TAB1.05.857	221A100030	Cao Minh	Tuấn	26/09/2004	Lâm Đồng		
36	VHU.TAB1.05.858		Hồ Thanh	Tùng	24/06/1986	Thành phố Đà Nẵng		
37	VHU.TAB1.05.859	221A070107	Lương Phong	Tường	16/08/2004	An Giang		
38	VHU.TAB1.05.860	181A030367	Ngô Lâm Cát	Tường	04/06/2000	Thành phố Hồ Chí Minh		
39	VHU.TAB1.05.861	221A050194	Võ Nguyễn Ngọc	Tuyên	06/07/2004	Lâm Đồng		
40	VHU.TAB1.05.862	221A230057	Lê Thị Cẩm	Tuyên	23/03/2004	Lâm Đồng		
41	VHU.TAB1.05.863	221A320090	Lưu Bích	Tuyền	30/10/2004	Đồng Tháp		
42	VHU.TAB1.05.864	221A370588	Nguyễn Thị Diễm	Tuyền	22/05/2004	Đồng Tháp		
43	VHU.TAB1.05.865	221A310175	Nguyễn Dương Hoàng	Tuyền	11/12/2004	Quảng Ngãi		
44	VHU.TAB1.05.866	221A370131	Nguyễn Thị Minh	Tuyết	17/01/2003	Khánh Hòa		
45	VHU.TAB1.05.867	221A011010	Trần Thế	Uy	28/02/2004	Thành phố Hải Phòng		

Tổng số thí sinh theo danh sách:.....

Số thí sinh dự kiểm tra:.....

Số thí sinh vắng kiểm tra:.....

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KIỂM TRA  
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ**

(Đã ký)

**Nguyễn Thị Thanh Hà**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 05 năm 2026

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 3 (B1 THEO CEFR)  
ĐỢT 05 NĂM 2026**

**(Địa chỉ: HungHau Campus (HEC), Khu chức năng, 13E Đại lộ Nguyễn Văn Linh, xã Bình Hưng, Thành phố Hồ Chí Minh)**

Môn kiểm tra: Tiếng Anh bậc 3 (Tương đương B1 theo CEFR)

Ngày kiểm tra: 31/05/2026

Phòng kiểm tra: B1.PT20

CBCKTr1: .....

Ký tên:.....

Giờ kiểm tra: Sáng 10:00 - 12:00 (Nói)

CBCKTr2: .....

Ký tên:.....

Chiều 13:30 - 15:30 (Nghe - Đọc - Viết)

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
1	VHU.TAB1.05.868	211A270042	Hoàng Thị Bảo	Uyên	22/11/2003	Đồng Nai		
2	VHU.TAB1.05.869	221A370917	Nguyễn Mai Thu	Uyên	23/11/2002	Đắk Lắk		
3	VHU.TAB1.05.870	231A230723	Bùi Thị Tú	Uyên	20/08/2005	Khánh Hòa		
4	VHU.TAB1.05.871	211A050181	Phạm Lê Mỹ	Uyên	10/12/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
5	VHU.TAB1.05.872	221A370008	Mai Kiều Nhã	Uyên	01/10/2004	Đồng Nai		
6	VHU.TAB1.05.873	221A040542	Trần Thảo	Vân	16/08/2004	Khánh Hòa		
7	VHU.TAB1.05.874	211A050067	Hồ Thị Thanh	Vân	06/10/2003	Đắk Lắk		
8	VHU.TAB1.05.875	221A310146	Hoàng Thị Mai	Vân	21/08/2004	Đồng Nai		
9	VHU.TAB1.05.876	211A080255	Trần Thảo	Vân	06/03/2003	Đắk Lắk		
10	VHU.TAB1.05.877		Nguyễn Bạch	Vân	15/11/1998	Thành phố Hồ Chí Minh		
11	VHU.TAB1.05.878	201A040062	Bùi Tuyết	Vân	21/09/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
12	VHU.TAB1.05.879	221A370976	Đặng Thị Hồng	Vân	20/09/2004	Đắk Lắk		
13	VHU.TAB1.05.880	221A320189	Trần Đặng Thảo	Vân	28/10/2004	Đồng Nai		
14	VHU.TAB1.05.881	221A030362	Đặng Thị Thu	Vân	16/12/2004	Khánh Hòa		
15	VHU.TAB1.05.882	221A070182	Trần Ngọc Bảo	Vân	10/05/2004	Đồng Nai		
16	VHU.TAB1.05.883	201A080399	Huỳnh Nhật	Vân	19/05/2002	Vĩnh Long		
17	VHU.TAB1.05.884	211A010431	Võ Anh	Vàng	09/01/2003	Cà Mau		
18	VHU.TAB1.05.885	211A031318	Võ Lê	Vi	30/10/2003	Gia Lai		
19	VHU.TAB1.05.886	221A030839	Hoàng Thị Hoài	Vi	10/06/2004	Đồng Nai		
20	VHU.TAB1.05.887	221A050607	Lê Thị Thuý	Vi	16/07/2004	Đồng Tháp		
21	VHU.TAB1.05.888	221A050586	Phan Trần Tường	Vi	07/11/2004	Đồng Tháp		
22	VHU.TAB1.05.889	211A010039	Đỗ Tường	Vi	13/01/2003	Tây Ninh		
23	VHU.TAB1.05.890	221A320119	Trần Thị Yến	Vi	29/11/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
24	VHU.TAB1.05.891	221A040474	Huỳnh Thị Thuý	Vi	22/07/2004	Vĩnh Long		
25	VHU.TAB1.05.892	221A020021	Lê Tuấn	Vĩ	05/03/2004	Vĩnh Long		
26	VHU.TAB1.05.893	221A040374	Nguyễn Thị Xuân	Viên	16/07/2004	An Giang		
27	VHU.TAB1.05.894	221A030907	Mạc Thế	Vinh	06/05/2004	Vĩnh Long		
28	VHU.TAB1.05.895	211A010030	Sú Duy	Vinh	25/07/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
29	VHU.TAB1.05.896	221A031180	Mai Thành	Vinh	17/01/2004	Đồng Tháp		
30	VHU.TAB1.05.897	201A080076	Võ Hưng	Vĩnh	20/05/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		

Tổng số thí sinh theo danh sách:.....

Số thí sinh dự kiểm tra:.....

Số thí sinh vắng kiểm tra:.....

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KIỂM TRA  
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ**

*(Đã ký)*

**Nguyễn Thị Thanh Hà**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 05 năm 2026

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 3 (B1 THEO CEFR)  
ĐỢT 05 NĂM 2026**

**(Địa chỉ: HungHau Campus (HEC), Khu chức năng, 13E Đại lộ Nguyễn Văn Linh, xã Bình Hưng, Thành phố Hồ Chí Minh)**

Môn kiểm tra: Tiếng Anh bậc 3 (Tương đương B1 theo CEFR)

Ngày kiểm tra: 31/05/2026

Phòng kiểm tra: B1.PT21

CBCKTr1: .....

Ký tên:.....

Giờ kiểm tra: Sáng 08:00 - 10:00 (Nói)

CBCKTr2: .....

Ký tên:.....

Chiều 13:30 - 15:30 (Nghe - Đọc - Viết)

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
1	VHU.TAB1.05.898	201A080077	Nguyễn Lê Trường	Vũ	13/05/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
2	VHU.TAB1.05.899	221A010310	Nguyễn Hoàng	Vũ	12/12/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
3	VHU.TAB1.05.900	241A360207	Diệp Huỳnh Nguyên	Vũ	03/05/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
4	VHU.TAB1.05.901	221A030638	Lê Tuấn	Vũ	19/04/2004	Tây Ninh		
5	VHU.TAB1.05.902	211A230049	Trần Lê	Vũ	18/03/2003	Đồng Tháp		
6	VHU.TAB1.05.903	221A031046	Bùi Tuấn	Vũ	07/09/2004	An Giang		
7	VHU.TAB1.05.904	243A010002	Huỳnh Thanh	Vũ	05/01/2000	Tây Ninh		
8	VHU.TAB1.05.905	221A020038	Nguyễn Ngọc Dương	Vũ	02/05/2004	Tây Ninh		
9	VHU.TAB1.05.906	201A180003	Nguyễn Đức	Vũ	16/06/2002	Thành phố Hải Phòng		
10	VHU.TAB1.05.907	221A070369	Nguyễn Mạnh	Vũ	17/04/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
11	VHU.TAB1.05.908	221A010200	Lê Trường	Vũ	31/12/2004	Đồng Tháp		
12	VHU.TAB1.05.909	221A070171	Lê Thị Thúy	Vy	13/11/2004	Vĩnh Long		
13	VHU.TAB1.05.910	221A320259	Nguyễn Thị Thanh	Vy	28/12/2004	Tây Ninh		
14	VHU.TAB1.05.911	221A230176	Thái Thuý	Vy	14/06/2004	Khánh Hòa		
15	VHU.TAB1.05.912	221A030610	Huỳnh Thảo	Vy	26/02/2004	Quảng Ngãi		
16	VHU.TAB1.05.913	221A040672	Nguyễn Lê Tường	Vy	05/10/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
17	VHU.TAB1.05.914	221A050370	Thái Thanh	Vy	04/01/2004	Vĩnh Long		
18	VHU.TAB1.05.915	221A310228	Khương Tường	Vy	19/02/2004	Đồng Tháp		
19	VHU.TAB1.05.916	211A030468	Võ Phạm Thuý	Vy	24/03/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
20	VHU.TAB1.05.917	221A230313	Lê Thị Hồng	Vy	21/03/2004	Quảng Ngãi		
21	VHU.TAB1.05.918	211A030308	Phan Quỳnh Thuý	Vy	02/03/2003	Đồng Nai		
22	VHU.TAB1.05.919	211A040043	Nguyễn Thị Yến	Vy	29/01/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
23	VHU.TAB1.05.920	221A031032	Lê Thảo	Vy	10/03/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
24	VHU.TAB1.05.921	211A030114	Võ Hoàng Phương	Vy	16/04/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
25	VHU.TAB1.05.922	221A030553	Lê Nguyễn Tường	Vy	19/06/2004	Lâm Đồng		
26	VHU.TAB1.05.923	211A010363	Nguyễn Trịnh Yên	Vy	30/12/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
27	VHU.TAB1.05.924	211A140083	Hoàng Xuân Thuý	Vy	13/05/2003	Lâm Đồng		
28	VHU.TAB1.05.925	221A100066	Trần Thuy Khánh	Vy	12/08/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
29	VHU.TAB1.05.926	231A210339	Trần Thị Trúc	Vy	09/03/2005	Quảng Ngãi		
30	VHU.TAB1.05.927	221A010064	Nguyễn Ý	Vy	11/05/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		

Tổng số thí sinh theo danh sách:.....

Số thí sinh dự kiểm tra:.....

Số thí sinh vắng kiểm tra:.....

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KIỂM TRA  
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ**

*(Đã ký)*

**Nguyễn Thị Thanh Hà**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 05 năm 2026

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 3 (B1 THEO CEFR)  
ĐỢT 05 NĂM 2026**

**(Địa chỉ: HungHau Campus (HEC), Khu chức năng, 13E Đại lộ Nguyễn Văn Linh, xã Bình Hưng, Thành phố Hồ Chí Minh)**

Môn kiểm tra: Tiếng Anh bậc 3 (Tương đương B1 theo CEFR)

Ngày kiểm tra: 31/05/2026

Phòng kiểm tra: B1.PT22

CBCKTr1: .....

Ký tên:.....

Giờ kiểm tra: Sáng 10:00 - 12:00 (Nói)

CBCKTr2: .....

Ký tên:.....

Chiều 13:30 - 15:30 (Nghe - Đọc - Viết)

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
1	VHU.TAB1.05.928	211A031397	Đặng Thanh	Vy	18/05/2003	Tây Ninh		
2	VHU.TAB1.05.929	221A030269	Lê Thị Tường	Vy	12/03/2004	Đắk Lắk		
3	VHU.TAB1.05.930	211A030222	Đoàn Thục	Vy	09/05/2003	Quảng Trị		
4	VHU.TAB1.05.931	221A040351	Nguyễn Thị Khánh	Vy	16/03/2004	Tây Ninh		
5	VHU.TAB1.05.932	231A030833	Trần Nguyễn Thúy	Vy	11/05/2005	An Giang		
6	VHU.TAB1.05.933	211A030224	Lê Dương Tường	Vy	22/03/2003	Đồng Tháp		
7	VHU.TAB1.05.934	221A030732	Lê Thị Thuý	Vy	24/06/2004	Đồng Tháp		
8	VHU.TAB1.05.935	211A030121	Nguyễn Hà Thuý	Vy	18/01/2003	Đồng Tháp		
9	VHU.TAB1.05.936	211A080218	Phạm Thị Tường	Vy	30/07/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
10	VHU.TAB1.05.937	211A030355	Nguyễn Lê Mai	Vy	01/04/2003	Thành phố Cần Thơ		
11	VHU.TAB1.05.938	221A030946	Phạm Nguyễn Thanh	Vy	17/02/2004	Đồng Tháp		
12	VHU.TAB1.05.939	221A360200	Bùi Thảo	Vy	26/02/2004	Đồng Tháp		
13	VHU.TAB1.05.940	211A031141	Nguyễn Thị Triệu	Vy	22/12/2003	Đồng Tháp		
14	VHU.TAB1.05.941	221A100048	Phạm Thị Hồng	Vỹ	29/05/2004	Lâm Đồng		
15	VHU.TAB1.05.942	211A010044	Phan Văn Tuấn	Vỹ	27/05/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
16	VHU.TAB1.05.943	221A050672	Trương Đặng Ngọc	Xinh	12/02/2004	Khánh Hòa		
17	VHU.TAB1.05.944	221A230320	Nguyễn Thị Trúc	Xuân	04/02/2004	Đồng Tháp		
18	VHU.TAB1.05.945	221A030212	Nguyễn Đỗ Thanh	Xuân	29/12/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
19	VHU.TAB1.05.946	221A040295	Nguyễn Thị Kim	Xuân	23/09/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
20	VHU.TAB1.05.947	151A030250	Trương Cẩm	Xuyên	20/01/1997	Cà Mau		
21	VHU.TAB1.05.948	231A370079	Lê Thị Mỹ	Ý	06/01/2005	Thành phố Hồ Chí Minh		
22	VHU.TAB1.05.949	221A030276	Nguyễn Thành	Ý	29/03/2004	Tây Ninh		
23	VHU.TAB1.05.950	231A371555	Bùi Như	Ý	05/09/2005	Cà Mau		

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
24	VHU.TAB1.05.951	221A230267	Nguyễn Thị Kim	Yên	22/08/2004	Tây Ninh		
25	VHU.TAB1.05.952	231A230547	Nguyễn Thị Ngọc	Yên	18/11/2005	Thành phố Hồ Chí Minh		
26	VHU.TAB1.05.953	221A030146	Phạm Huỳnh Hồng	Yên	07/02/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
27	VHU.TAB1.05.954	221A010359	Phạm Huỳnh Kim	Yên	07/02/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
28	VHU.TAB1.05.955	231A371183	Nguyễn Hoàng	Yên	06/02/2005	An Giang		
29	VHU.TAB1.05.956	211A070051	Ôn Ngân	Yên	03/01/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
30	VHU.TAB1.05.957	221A030230	Nguyễn Hoàng Phi	Yên	08/02/2004	Đồng Tháp		

Tổng số thí sinh theo danh sách:.....

Số thí sinh dự kiểm tra:.....

Số thí sinh vắng kiểm tra:.....

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KIỂM TRA  
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ**

*(Đã ký)*

**Nguyễn Thị Thanh Hà**